

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

**ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC
QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH
ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**

Chủ nhiệm đề tài : NGUYỄN THỊ THU HUYỀN

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC
QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH
ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Chủ nhiệm đề tài : NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tên tôi là: Nguyễn Thị Thu Huyền

Hiện đang là sinh viên lớp QT1201K khoa Quản trị kinh doanh thuộc trường Đại học dân lập Hải Phòng.

Tôi xin cam đoan như sau:

1. Những số liệu, tài liệu trong báo cáo được thu thập một cách trung thực.
2. Đề tài hiện chưa có ai nghiên cứu tại công ty.
3. Các kết quả của báo cáo chưa có ai nghiên cứu, công bố và chưa từng được áp dụng vào trong thực tế.

Vậy tôi xin cam đoan những nội dung trên chính xác và trung thực, có gì sai sót tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bộ môn kế toán – kiểm toán và trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Người cam đoan

Nguyễn Thị Thu Huyền

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt những kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán và cả những kinh nghiệm thực tiễn quý báu thực sự hữu ích cho em trong quá trình thực tập và sau này.

Cô giáo, ThS. Nguyễn Thị Mai Linh đã hết lòng hỗ trợ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành đề tài.

Các cô chú cán bộ làm việc tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng đã tạo điều kiện cho được thực tập tại phòng Kế toán Công ty.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng nhằm đưa ra các biện pháp hữu ích, có khả năng áp dụng với điều kiện hoạt động của Công ty, song do trình độ lý luận thực tiễn của bản thân còn hạn chế nên nội dung của đề tài không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô để em có thể khắc phục những thiếu sót đó.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo, ThS. Nguyễn Thị Mai Linh và các cô chú cán bộ phòng tài chính kế toán Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng đã nhiệt tình hướng dẫn, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Huyền

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	4
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp....	4
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	4
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	4
1.1.2.1. <i>Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.</i>	4
1.1.2.2. <i>Vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.</i>	5
1.1.2.3. <i>Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.</i>	6
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	7
1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.....	8
1.1.4.1. <i>Phân loại nguyên vật liệu.</i>	8
1.1.4.2. <i>Tính giá nguyên vật liệu.</i>	9
1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	13
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	13
1.2.1.1. <i>Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.</i>	14
1.2.1.2. <i>Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.</i>	15
1.2.1.3. <i>Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư.</i>	16
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.	18
1.2.2.1. <i>Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.</i>	18
1.2.2.2. <i>Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.</i>	21
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	24
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG.....	26

2.1. Khái quát về công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải phòng.	26
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Đóng tàu PTS.	26
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Đóng tàu PTS.	28
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	28
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	31
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.	31
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.	33
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.	33
2.1.4.4. Hệ thống báo cáo tài chính.	36
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	36
2.2.1. Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.	36
2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.	36
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.	38
2.2.1.3. Tính giá nguyên vật liệu.	38
2.2.1.4. Thủ tục nhập – xuất nguyên vật liệu.	40
2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.	43
2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.	55
2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.	55
2.2.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng.	55
2.2.5.3. Quy trình hạch toán.	55
1.2.6. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư	60
CHƯƠNG III MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG.	63
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	63
3.1.1. Ưu điểm.	63
3.1.2. Những mặt còn hạn chế.	66

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	69
3.2.1. Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	69
3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Đóng tàu PTS.....	69
3.2.1.2. Nguyên tắc và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Đóng tàu PTS.....	70
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	71
3.2.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu.	71
3.2.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	74
3.2.2.3. Hoàn thiện việc chia kho để nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu.	76
3.2.2.4. Hoàn thiện thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu.	76
3.2.2.5. Về việc mở thêm tiểu khoản.	77
3.2.2.6. Hoàn thiện thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.	77
3.2.2.7. Hoàn thiện công tác kiểm kê vật tư tại công ty.	78
3.2.2.8. Một số ý kiến khác nhằm nâng cao công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.	80
KẾT LUẬN	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

LỜI MỞ ĐẦU

➤ **Tính cấp thiết của đề tài**

Mỗi Doanh nghiệp là một tế bào của nền kinh tế, trong môi trường cạnh tranh khốc liệt với xu thế hội nhập kinh tế Thế giới của nước nhà, bên cạnh những chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước, bản thân các Doanh nghiệp với liên tục nghiên cứu tìm tòi để hoàn thiện phương thức tổ chức kinh doanh của mình.

Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của ngành đóng tàu Việt Nam, đồng thời xây dựng một thương hiệu mạnh cho sản phẩm của mình trên thị trường. Trong quá trình 4 năm đi vào hoạt động, Công ty Đóng tàu PTS đã bám sát mục tiêu hoạt động để từ đó phấn đấu hoàn thiện tổ chức sản xuất kinh doanh của mình. Đối với các Doanh nghiệp sản xuất như Công ty Đóng tàu PTS thì sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả chính là một yếu tố then chốt giúp Doanh nghiệp sản xuất hiệu quả, nâng cao chất lượng sản phẩm với mức giá thành hợp lý vì vậy công tác kế toán nguyên vật liệu tại Doanh nghiệp sản xuất phải luôn được coi trọng. Đặc biệt đối với Công ty Đóng tàu PTS một công ty sản xuất theo các chuẩn mực khắt khe về chất lượng sản phẩm, thì công tác kế toán nguyên vật liệu lại càng trở lên quan trọng. Đội ngũ kế toán công ty đã làm khá tốt công tác này, tuy nhiên trên thực tế quy trình quản lý, cấp phát và hạch toán kế toán nguyên vật liệu của công ty vẫn chưa hoàn thiện, thực sự đáp ứng kịp thời được nhu cầu quản lý của các cấp lãnh đạo và tiết kiệm tối đa chi phí nguyên vật liệu cho Doanh nghiệp. Đề tài này được hình thành từ nhận định trên với hy vọng đưa ra được các biện pháp thiết thực “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng”.

➤ **Mục đích nghiên cứu của đề tài**

- Hệ thống lý luận vấn đề cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN.
- Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

- Đề xuất một số giải pháp, phương hướng Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

➤ **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

- Đối tượng nghiên cứu: công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng

- Phạm vi nghiên cứu: Bài nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Đóng tàu PTS.

➤ **Phương pháp và thiết bị nghiên cứu của đề tài:**

-Phương pháp kế toán

-Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia

-Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Các kỹ thuật, nghiệp vụ cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị: thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, phân loại chi phí đáp ứng các mục tiêu cụ thể, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

➤ **Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài gồm 3 chương:

- Chương I: Nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong DN

- Chương II: Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng

- Chương III: Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Nguyễn Thị Mai Linh và các cô chú trong phòng kế toán tại Công ty đã giúp em hoàn thành đề tài của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, đề tài của em chắc

chấn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài nghiên cứu của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Nguyễn Thị Thu Huyền

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là phải có đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa như tôn, thép, kẽm, bulông... dưới sự tác động của con người. Nguyên vật liệu không chỉ là đối tượng lao động mà còn là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm, đối với doanh nghiệp sản xuất, yếu tố đầu vào quan trọng hơn cả là nguyên vật liệu. Do đó, để quá trình sản xuất diễn ra hiệu quả và chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, mỗi doanh nghiệp sản xuất đều phải quản lý và hạch toán nguyên vật liệu sao cho đảm bảo tốt từ khâu thu mua, vận chuyển đến bảo quản, sử dụng và dự trữ chúng. Doanh nghiệp quản lý và hạch toán tốt nguyên vật liệu thì sẽ giúp nâng cao hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh, đảm bảo doanh nghiệp đứng vững trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Bên cạnh đó, mỗi doanh nghiệp cần phải hạch toán nguyên vật liệu bằng thước đo tiền tệ để từ đó đánh giá được hiệu quả kinh doanh của nguyên vật liệu qua mỗi kỳ. Vì có tính giá, có hạch toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu thì kế toán mới tính toán và xác định được toàn bộ chi phí bỏ ra có liên quan đến việc tiêu thụ từng loại nguyên vật liệu. Trên cơ sở này, đội ngũ kế toán và ban giám đốc sẽ có những đánh giá chính xác và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại doanh nghiệp mình.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán 02, Hàng tồn kho là những tài sản :

- Được giữ để bán trong kỳ sản, xuất kinh doanh bình thường;
- Đang trong quá trình sản xuất kinh doanh dở dang;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh. Tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm được sản xuất.

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là một bộ phận của vốn lưu động, do đặc điểm có vòng tuần hoàn và chu chuyển chỉ trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất, giá trị của nó được dịch chuyển một lần, toàn bộ vào sản phẩm. Kết thúc quá trình sản xuất đó, nguyên vật liệu hoàn thành một vòng chu chuyển của mình. Từ vai trò là vốn lưu động dự trữ cho quá trình sản xuất đến vốn lưu động trong sản xuất, thành phẩm và vốn trong thanh toán.

Đồng thời, nguyên vật liệu là một yếu tố chi phí: chi phí nguyên liệu, vật liệu tạo nên thực thể sản phẩm hoàn thành. Xét về góc độ giá trị, nó cấu thành giá thành sản phẩm, giá vốn của hàng xuất bán. Bởi vậy mà trong kế toán nguyên vật liệu, kế toán phải xác định được giá trị của nguyên vật liệu trong quá trình xuất - nhập nhằm xác định chính xác giá thành, giá vốn của sản phẩm hoàn thành.

1.1.2.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh.

Có thể nói, nguyên vật liệu vô cùng quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với những doanh nghiệp sản xuất (Công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản vật liệu là yếu tố vô cùng quan trọng, chi phí vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí để tạo thành sản phẩm). Do vậy vật liệu không chỉ quyết định đến số lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản

phẩm tạo ra. Nguyên vật liệu có đảm bảo quy cách, chủng loại sự đa dạng thì sản phẩm sản xuất ra mới đạt yêu cầu và phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của xã hội. Như vậy vật liệu có một giá trị vô cùng quan trọng không thể phủ nhận trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Một hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không thể thực hiện được nếu thiếu một trong ba yếu tố: Lao động, tư liệu lao động, và đối tượng lao động. Trong đó con người với tư cách là chủ thể lao động sử dụng tư liệu lao động và đối tượng lao động để tạo ra của cải vật chất. Trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp biểu hiện cụ thể của đối tượng lao động là nguyên vật liệu. Chi phí về vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm và là bộ phận quan trọng trong doanh nghiệp. Nó không chỉ làm đầu vào của quá trình sản xuất mà còn là một bộ phận quan trọng của hàng tồn kho được theo dõi bảo quản và lập dự phòng khi cần thiết.

Do vật liệu có vai trò quan trọng như vậy nên công tác kế toán vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất phải được thực hiện một cách toàn diện để tạo điều kiện quản lý vật liệu, thúc đẩy việc cung cấp đầy đủ kịp thời, đồng bộ những vật liệu cần cho sản xuất, dự trữ và sử dụng vật liệu hợp lý, tiết kiệm ngăn ngừa các hiện tượng hư hao, mất mát và lãng phí vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.2.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, lợi nhuận đã trở thành mục đích cuối cùng của sản xuất kinh doanh. Mọi quan hệ tỷ lệ nghịch giữa chi phí và lợi nhuận ngày càng được quan tâm. Vì thế các doanh nghiệp đều ra sức tìm con đường giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Do vậy với tỷ trọng chiếm khoảng 60-70% tổng chi phí, nguyên vật liệu cần được quản lý thật tốt. Nếu doanh nghiệp biết sử dụng nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hợp lý thì sản phẩm làm ra càng có chất lượng tốt mà giá thành lại hạ tạo ra mối tương quan có lợi cho doanh nghiệp trên thị trường. Quản lý nguyên vật liệu càng khoa học thì cơ hội đạt hiệu quả kinh tế càng cao. Với vai trò như vậy nên yêu cầu quản lý nguyên vật liệu cần chặt chẽ trong tất cả các khâu từ khâu thu mua, dự trữ và bảo quản đến khâu sử dụng.

- *Trong khâu thu mua:* các doanh nghiệp phải thường xuyên tiến hành thu mua nguyên vật liệu để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp. Tại đây đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về khối lượng, quy cách, chủng loại và giá cả.

- *Trong khâu dự trữ và bảo quản:* để quá trình sản xuất được liên tục phải dự trữ nguyên vật liệu đầy đủ, không gây gián đoạn sản xuất nhưng cũng không được dự trữ quá lượng cần thiết gây ứ đọng vốn, tổn diện tích. Đồng thời phải thực hiện đầy đủ chế độ bảo quản theo tính chất lý hoá học của vật liệu.

- *Trong khâu sử dụng:* doanh nghiệp cần tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời giá nguyên vật liệu có trong giá vốn của thành phẩm. Do vậy trong khâu sử dụng phải tổ chức tốt việc ghi chép phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Vật liệu là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm, chi phí vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm cho nên yêu cầu quản lý vật liệu và công tác tổ chức vật liệu là hai điều kiện cơ bản luôn song hành cùng nhau. Hạch toán vật liệu có chính xác, kịp thời, đầy đủ thì lãnh đạo mới nắm được chính xác tình hình thu mua, dự trữ, và sử dụng vật liệu cả về kế hoạch và thực hiện, từ đó có những biện pháp thích hợp trong quản lý. Mặt khác tính chính xác, kịp thời của công tác hạch toán vật liệu sẽ giúp cho việc hạch toán giá thành của doanh nghiệp chính xác. Xuất phát từ yêu cầu quản lý vật liệu, vị trí và đặc điểm của vật liệu, công tác hạch toán có những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời số lượng, chủng loại và tình hình thực tế của vật liệu nhập kho.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ và chính xác số lượng và giá trị vật liệu xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao vật liệu.

- Phân bổ hợp lý giá trị vật liệu sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.

- Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và vật liệu tồn kho, phát hiện kịp thời vật liệu thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế đến mức tối đa có thể xảy ra.

1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.

1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp, vật liệu rất đa dạng và phong phú, mỗi loại có một vai trò, công dụng và tính năng lý hoá khác nhau. Vì vậy để quản lý vật liệu một cách có hiệu quả, các doanh nghiệp tiến hành phân loại vật liệu.

Tuỳ theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo các cách khác nhau:

➤ *Phân loại theo công dụng của nguyên vật liệu gồm có:*

- *Nguyên liệu, vật liệu chính:* Là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng Doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các DN kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.
- *Vật liệu phụ:* Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo đảm đóng gói phục vụ cho quá trình lao động.
- *Nhiên liệu:* Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể khí, lỏng, rắn.
- *Phụ tùng thay thế:* Là những vật tư dụng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất.

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ, và vật kết cấu dùng để lắp đặt công trình xây dựng cơ bản.
- *Phân loại theo nguồn hình thành gồm có*:
 - *Vật liệu tự chế biến, thuê gia công*: là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.
 - *Vật liệu mua ngoài*: là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.
 - *Vật liệu khác*: là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.
- *Phân loại theo mục đích sử dụng gồm có*:
 - *Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm*.
 - *Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác*: phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

Ngoài cách phân loại nguyên vật liệu như trên, để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ, đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật tư.

Lập danh điểm vật tư là quy định cho mỗi thứ vật liệu một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số (kết hợp với các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Tùy theo từng Doanh nghiệp hệ thống danh điểm vật tư có thể được xây dựng theo nhiều phương thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp, có sự thống nhất về tên gọi, mã hiệu quy cách, đơn vị, giá hạch toán của nguyên vật liệu.

1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.

- *Tính giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho.*

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định.

Áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính: "Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được". Trong đó:

- *Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- *Giá trị thuần có thể thực hiện được:* là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán NVL ở các doanh nghiệp, NVL được tính theo giá thực tế.

Cụ thể :

+ Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ khỏi chi phí mua.

+ Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

+ Chi phí liên quan trực tiếp khác tính vào giá gốc hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí khác ngoài chi phí thu mua và chi phí chế biến hàng tồn kho.

Chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho, bao gồm :

+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

+ Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các khoản chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản trong quá trình mua hàng.

- + Chi phí bán hàng.
- + Chi phí quản lý Doanh nghiệp.

Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán NVL ở các doanh nghiệp, NVL được tính theo giá thực tế.

Tính giá của nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá phí. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

- Đối với nguyên, vật liệu mua ngoài:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{không được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

Nếu nguyên vật liệu được mua từ nước ngoài, thì thuế nhập khẩu được tính vào giá nhập kho. Khoản thuế GTGT phải nộp khi mua nguyên vật liệu cũng được tính vào giá nhập nếu Doanh nghiệp không thuộc diện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Đối với nguyên, vật liệu tự chế biến:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản xuất VL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

- Đối với nguyên, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL xuất thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê ngoài} \\ \text{gccb} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vận chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- Đối với nguyên, vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần:

$$\text{Giá trị thực tế nhập kho} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp} \\ \text{do hội đồng định giá đánh giá} \end{array}$$

➤ *Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.*

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho, Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.

- Phương pháp giá thực tế đích danh: Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Áp dụng cho Doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu ít và nhận diện từng lô hàng. Phương pháp này có ưu điểm: Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại. Nhưng trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng nhập – xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết nguyên vật liệu sẽ rất phức tạp.

- Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua sắm hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của Doanh nghiệp.

Trị giá vật liệu xuất kho = S.lượng vật liệu xuất x Đ.giá bình quân gia quyền

- Đơn giá bình quân cả kỳ (đơn giá bình quân cố định): Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên chỉ cung cấp được thông tin kịp thời.

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư nhập trong kỳ}}{\text{S.lượng vật tư tồn đầu kỳ} + \text{S.lượng vật tư nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân liên hoàn (đơn giá bình quân di động): Theo cách tính này, hàng ngày cung cấp thông tin được kịp thời nhưng khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều hơn nên phương pháp này rất thích hợp đối với những Doanh nghiệp làm kế toán máy.

$$\text{Đơn giá BQ liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá VT tồn trước lần nhập n} + \text{Trị giá VT nhập lần n}}{\text{S.lượng VT tồn trước lần nhập n} + \text{S.lượng VT nhập lần n}}$$

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập trước thì được xuất dùng trước và đơn giá xuất tính theo đơn giá của những lần nhập trước. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO): Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập sau được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu là một trong những đối tượng kế toán cần phải tổ chức hạch toán chi tiết không chỉ về mặt giá trị mà cả về số lượng, không chỉ theo từng kho mà còn chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu.

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập xuất tồn kho của từng thứ nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư.

Tùy vào đặc điểm của từng Doanh nghiệp, tùy theo trình độ của nhân viên kế toán và thủ kho, để tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp dưới đây:

1.2.1.1. Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song.

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng. Thẻ kho được mở cho từng danh điểm vật liệu.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi số số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ đó.

Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập, xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên thẻ kho và đối chiếu số liệu với kế toán chi tiết vật tư.

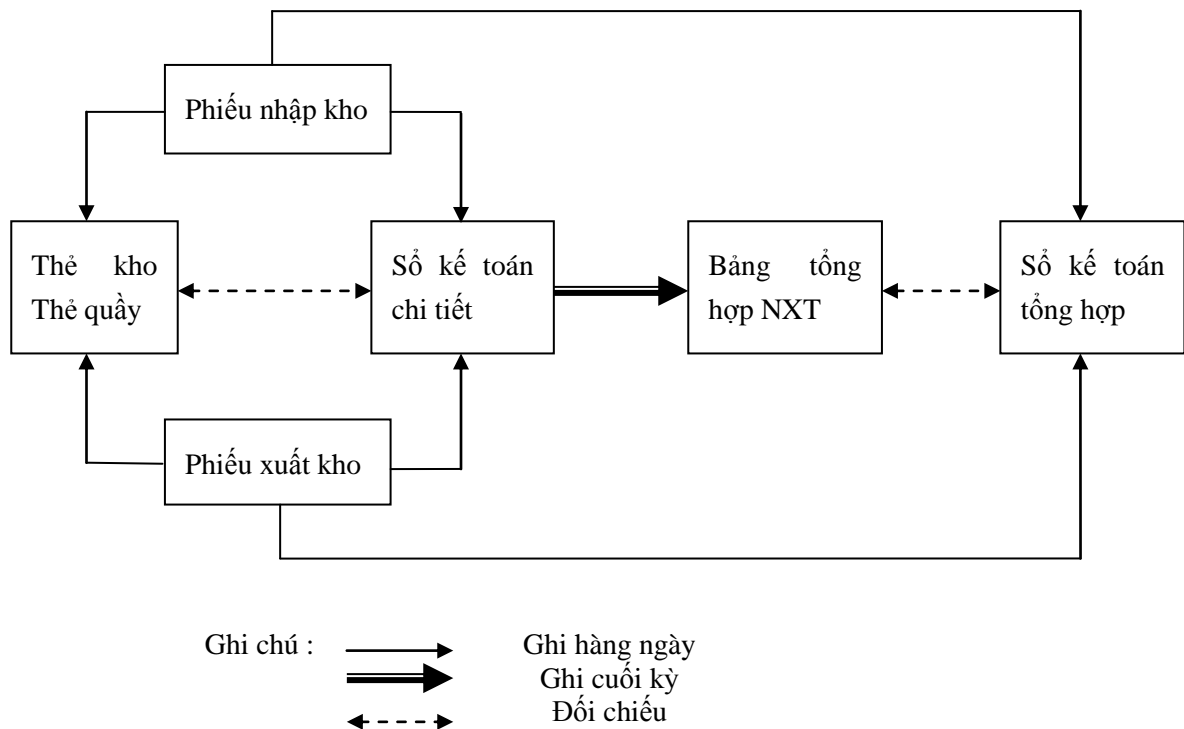
- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ và vào sổ chi tiết vật liệu.

Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu.

Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào thẻ (sổ) kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn kho của từng loại nguyên vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

- Phương pháp này có ưu điểm ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu. Nhưng có nhược điểm là việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng ghi chép còn nhiều.

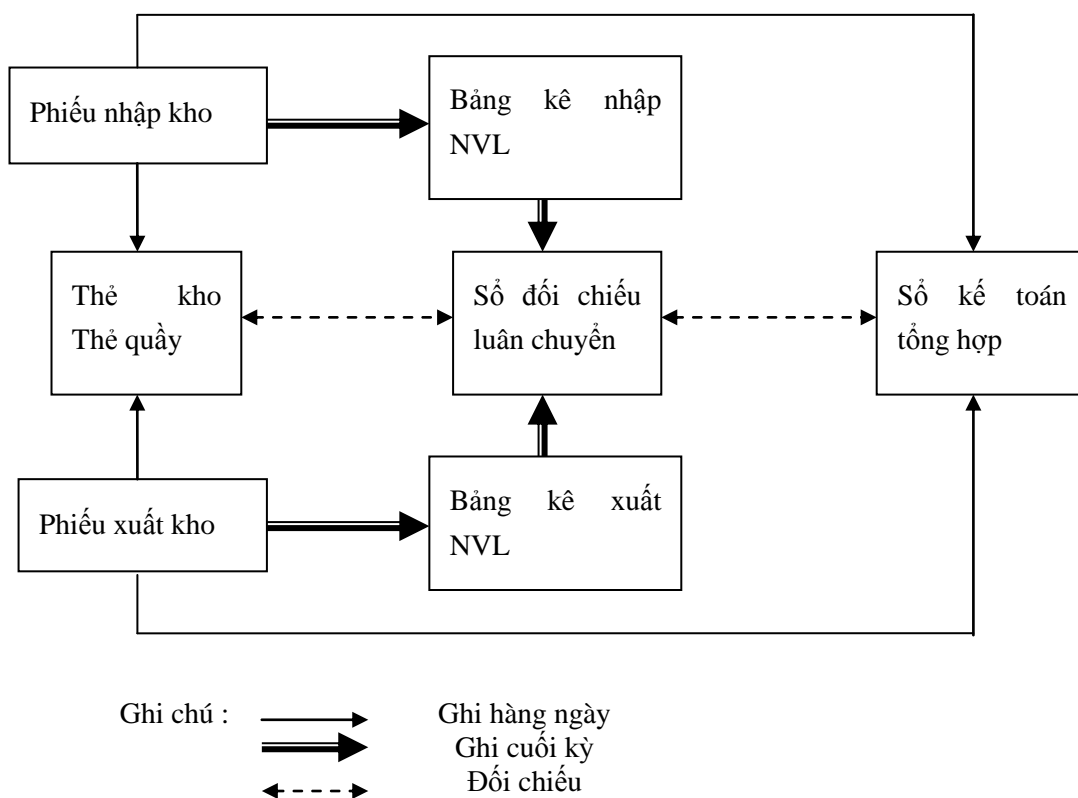
Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo PP thẻ song song.



1.2.1.2. Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

- **Tai kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép giống như phương pháp thẻ song song.
- **Tai phòng kế toán:** Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho, cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho, kế toán lập Bảng kê nhập vật liệu, Bảng kê xuất vật liệu. Rồi ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối kỳ đối chiếu số lượng nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.
- Phương pháp này có ưu điểm là khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nhưng có nhược điểm là ghi sổ trùng lặp giữa kho và kế toán về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành được vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo PP sổ đối chiếu luân chuyển



1.2.1.3. Kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ sổ dư.

- **Tại kho** : thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng nguyên vật liệu nhập xuất kho. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho phát sinh theo từng nguyên vật liệu quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu.

Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng nguyên vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm nguyên vật liệu vào sổ sổ dư. Sổ sổ dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày kế toán giao cho thủ kho để ghi vào sổ. Ghi xong thủ kho phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

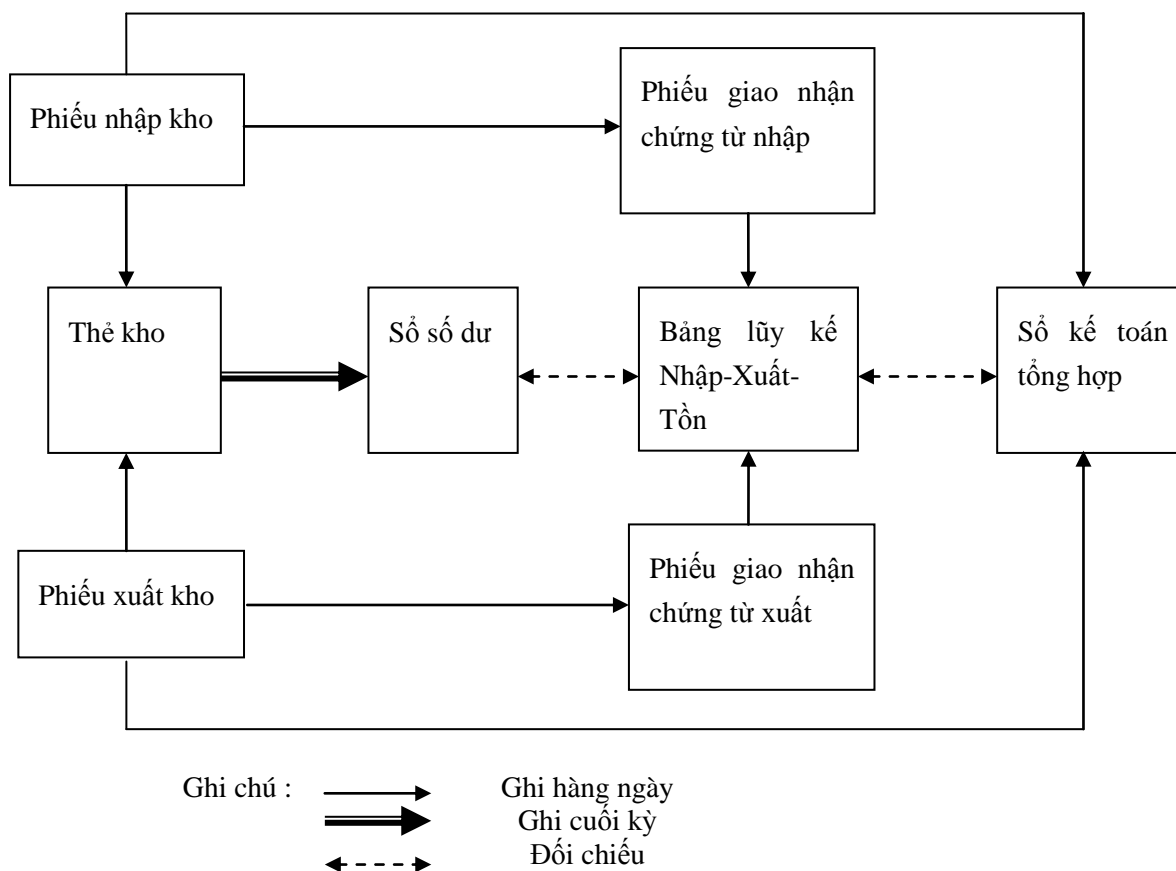
- **Tại phòng kế toán** : Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ (giá hạch toán)

tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm nguyên vật liệu (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập, xuất nguyên vật liệu.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm nguyên vật liệu. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư.

- Phương pháp này có ưu điểm là hạn chế việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, đảm bảo số liệu kế toán được chính xác, kịp thời. Nhưng lại có nhược điểm là không biết được sự biến động của từng thứ nguyên vật liệu, việc kiểm tra, phát hiện sai sót, nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán rất phức tạp.

Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư



1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Hệ thống chứng từ về NVL theo chế độ kế toán đã ban hành bao gồm:

- | | |
|--|-------------------|
| - Phiếu nhập kho | Mẫu số 01-VT |
| - Phiếu xuất kho | Mẫu số 02-VT |
| - Biên bản kiểm nghiệm | Mẫu số 03-VT |
| - Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ | Mẫu số 04-VT |
| - Biên bản kiểm kê vật tư | Mẫu số 05-VT |
| - Hoá đơn GTGT (bên bán lập) | Mẫu số 01GTKT-3LL |
| - Hoá đơn thông thường (bên bán lập) | Mẫu số 02GTTT-3LL |
| - Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ | Mẫu số 03PXK-3LL |
| - Bảng kê mua hàng | Mẫu số 06-VT |
| - Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ | |

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn vật liệu trên sổ kế toán.

Sử dụng phương pháp này có thể tính được trị giá vật tư nhập, xuất, tồn tại bất kỳ thời điểm nào trên sổ tổng hợp. Trong phương pháp này, tài khoản nguyên vật liệu được phản ánh theo đúng nội dung tài khoản tài sản. Phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có giá trị nguyên vật liệu lớn.

➤ Tài khoản sử dụng.

• Tài khoản 152 "**Nguyên vật liệu**" :

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế. Kết cấu TK 152:

- Bên Nợ:

+ Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

- *Bên Có:*

+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc đưa đi góp vốn;

+ Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc giảm giá hàng mua;

+ Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng;

+ Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

- *Số Dư Bên Nợ:* Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

• Tài khoản 151 "**Hàng mua đi đường**" :

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại NVL mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho. Kết cấu TK 151:

- *Bên Nợ* : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.

- *Bên Có* : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.

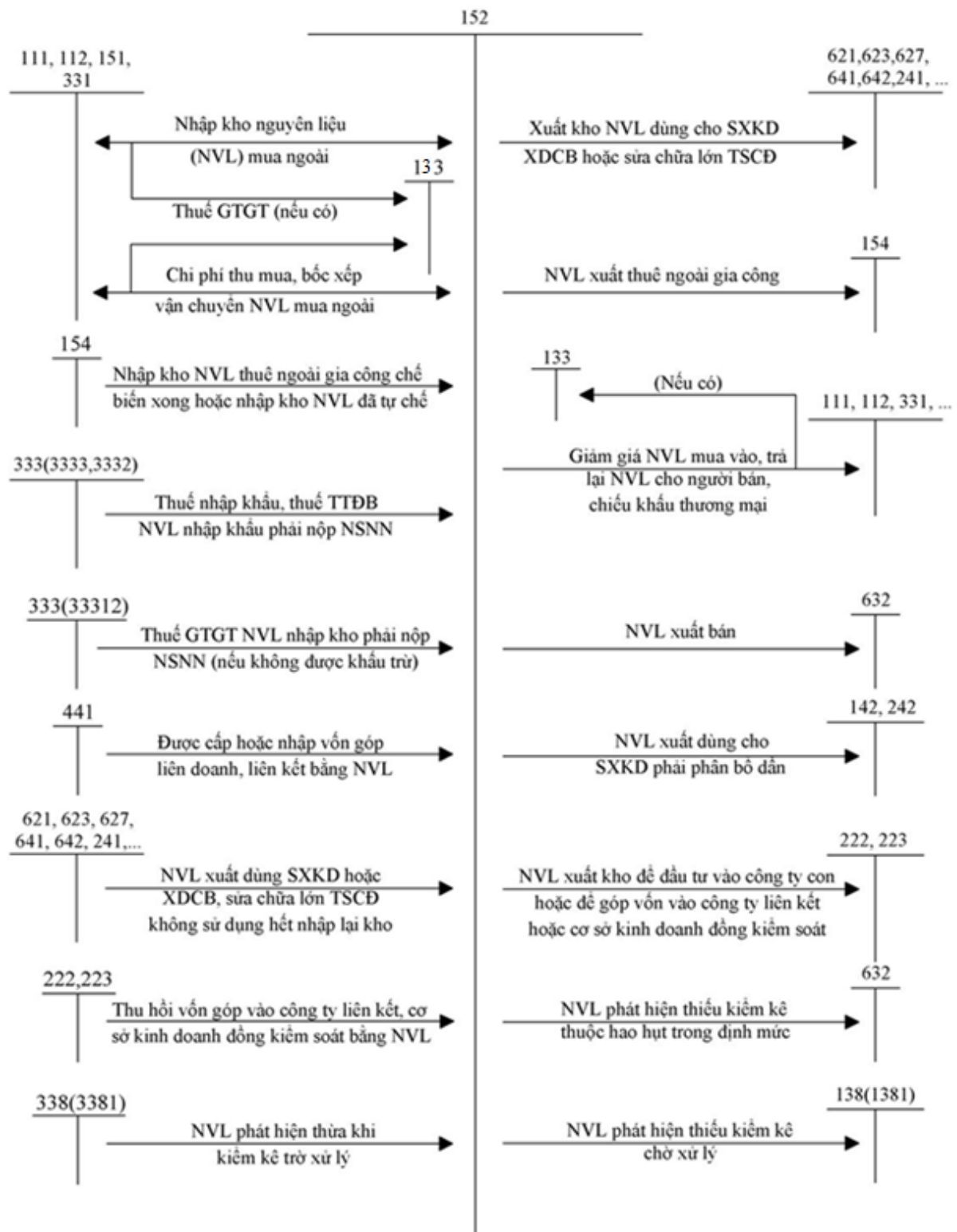
- *Số Dư Bên Nợ* : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên còn sử dụng 1 số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515...

➤ *Phương pháp hạch toán.*

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau.

Sơ đồ 1.4: PP kế toán tổng hợp NVL theo PP kê khai thường xuyên



1.2.2.2. *Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ.*

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hoá đã xuất.

$$\text{Trị giá vật tư xuất kho} = \text{Trị giá vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Tổng giá vật tư mua vào trong kỳ} - \text{Trị giá vật tư tồn cuối kỳ}$$

Độ chính xác của phương pháp này không cao mặc dù tiết kiệm được công sức ghi chép và thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

➤ *Tài khoản sử dụng.*

• Tài khoản 611 "*Mua hàng*" :

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ. Kết cấu TK 611:

- *Bên Nợ:*

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại.

- *Bên Có:*

+ Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê);

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ);

+ Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

- Tài khoản 611 cuối kỳ không có số dư, chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 6111 "*Mua nguyên vật liệu*"

+ TK 6112 "*Mua hàng hoá*"

• Tài khoản 152 "**Nguyên vật liệu**" :

Dùng để phản ánh thực tế nguyên vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại. Kết cấu TK152:

- *Bên Nợ* : Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.
- *Bên Có* : Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.
- *Số Dư Bên Nợ* : Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 152 có thể mở chi tiết theo từng loại nguyên vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của từng Doanh nghiệp. Chi tiết theo công dụng có thể chia thành 5 tài khoản cấp 2 :

- + TK 1521 : Nguyên vật liệu chính
- + TK 1522 : Vật liệu phụ
- + TK 1523 : Nhiên liệu
- + TK 1524 : Phụ tùng thay thế
- + TK 1528 : Vật liệu khác

• Tài khoản 151 "**Hàng mua đang đi đường**" :

- *Bên Nợ* : Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường cuối kỳ.

- *Bên Có* : Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ.

- *Số Dư Bên Nợ* : Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập về kho đơn vị).

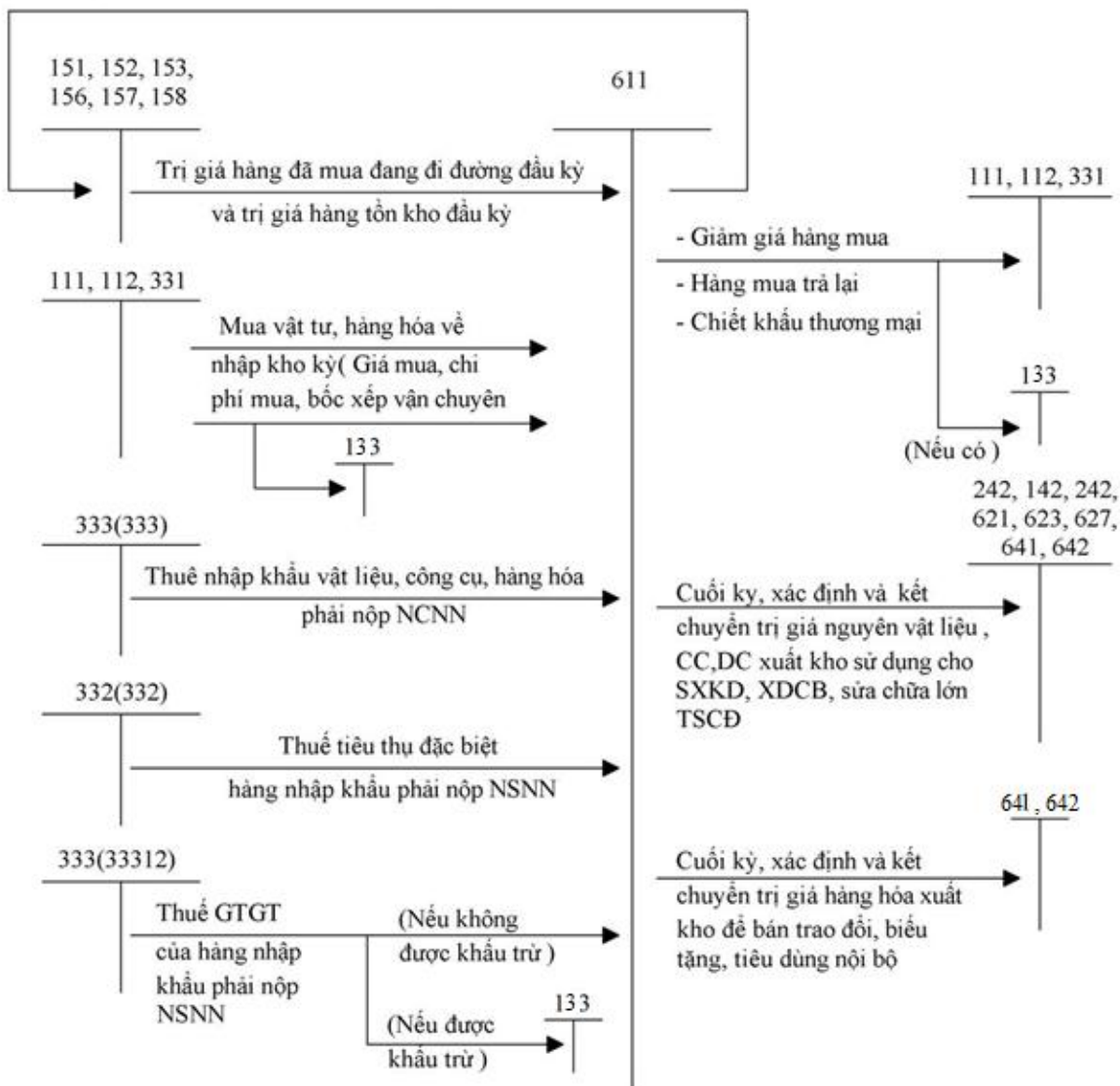
Ngoài ra, hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng 1 số tài khoản liên quan khác như tài khoản 111, 112, 133, 141, 331, 515...

➤ *Phương pháp hạch toán.*

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau.

Sơ đồ số 1.5: Kế toán tổng hợp NVL theo PP kiểm kê định kỳ.

Trị giá hàng đã mua đang đi đường trị giá hàng tồn kho và gửi đi bán cuối kỳ



1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá trị bị ghi xuống thấp hơn so với giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được quy định trong chuẩn kế toán số 02 về hàng tồn kho như sau :

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá của giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện hiện có ở thời điểm ước tính. Ngoài ra, khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng TK159 “**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**”: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK159:

Bên Nợ : Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập khi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên Có : Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số Dư Bên Có : Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tại thời điểm lập dự phòng nếu giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thì phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp sau:

- Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá vật tư, hàng hóa} = \text{Lượng vật tư, hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính} \times \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} - \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho}$$

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập bằng số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì Doanh nghiệp không phải trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán

Có TK159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì Doanh nghiệp được trích thêm phần chênh lệch vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ.

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu số dự phòng giảm giá phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thì Doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán.

Nợ TK159 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632 : Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát về công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải phòng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Đóng tàu PTS.

Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng là đơn vị thành viên của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1705/2000/QĐ-BTM ngày 07 tháng 12 năm 2000 của Bộ Thương Mại trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà- một bộ phận trực thuộc công ty vận tải xăng dầu đường thủy I với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 8,1 tỷ đồng. Và được Sở kế hoạch Đầu thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000035 ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005. Kể từ khi đi vào hoạt động, công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 6 lần, cuối năm 2004 công ty nâng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 11,6 tỷ. Vào ngày 09/11/2005 theo quyết định của ĐHĐCĐ công ty phát hành thêm cổ phần để nâng vốn điều lệ lên 17,4 tỷ đồng. Trong đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam có số cổ phần chiếm 51% vốn điều lệ. Và lần tăng vốn điều lệ gần đây nhất là năm 2008 với số vốn là 34,8 tỷ.

Sau một thời gian chuyển đổi để phù hợp với yêu cầu mới của cơ chế thị trường và nhằm tạo điều kiện cho xí nghiệp phát triển, xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà đã chính thức cổ phần hoá thành công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng. Hình thức cổ phần hoá “Bán một phần giá trị thuộc vốn sở hữu Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”.

Một số tin chính về Công ty:

1. Tên đầy đủ tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG.
2. Tên Tiếng Anh: PTS HAI PHONG SHIPYARD LIMITED COMPANY.
3. Tên viết tắt: PTS Hải Phòng.
4. Địa chỉ trụ sở giao dịch: 61 mới (16 cũ) đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

5. Điện thoại: 0313.758561
6. Fax: 0313767387
7. Tên chủ sở hữu: CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG.
8. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Đào Mạnh Kiên - Chức danh: Giám đốc.
9. Ngày Công ty chính thức hoạt động: 01/07/2008

Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng là một doanh nghiệp kinh doanh sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy.

Nhiệm vụ của công ty đóng tàu PTS Hải Phòng:

- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ nhằm cung cấp đủ nhu cầu cho người tiêu dùng.
- Bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.
- Kinh doanh có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao, tăng tích lũy.
- Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Góp phần thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Đóng tàu PTS.

Công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng sản xuất và kinh doanh theo đơn đặt hàng trong lĩnh vực sau:

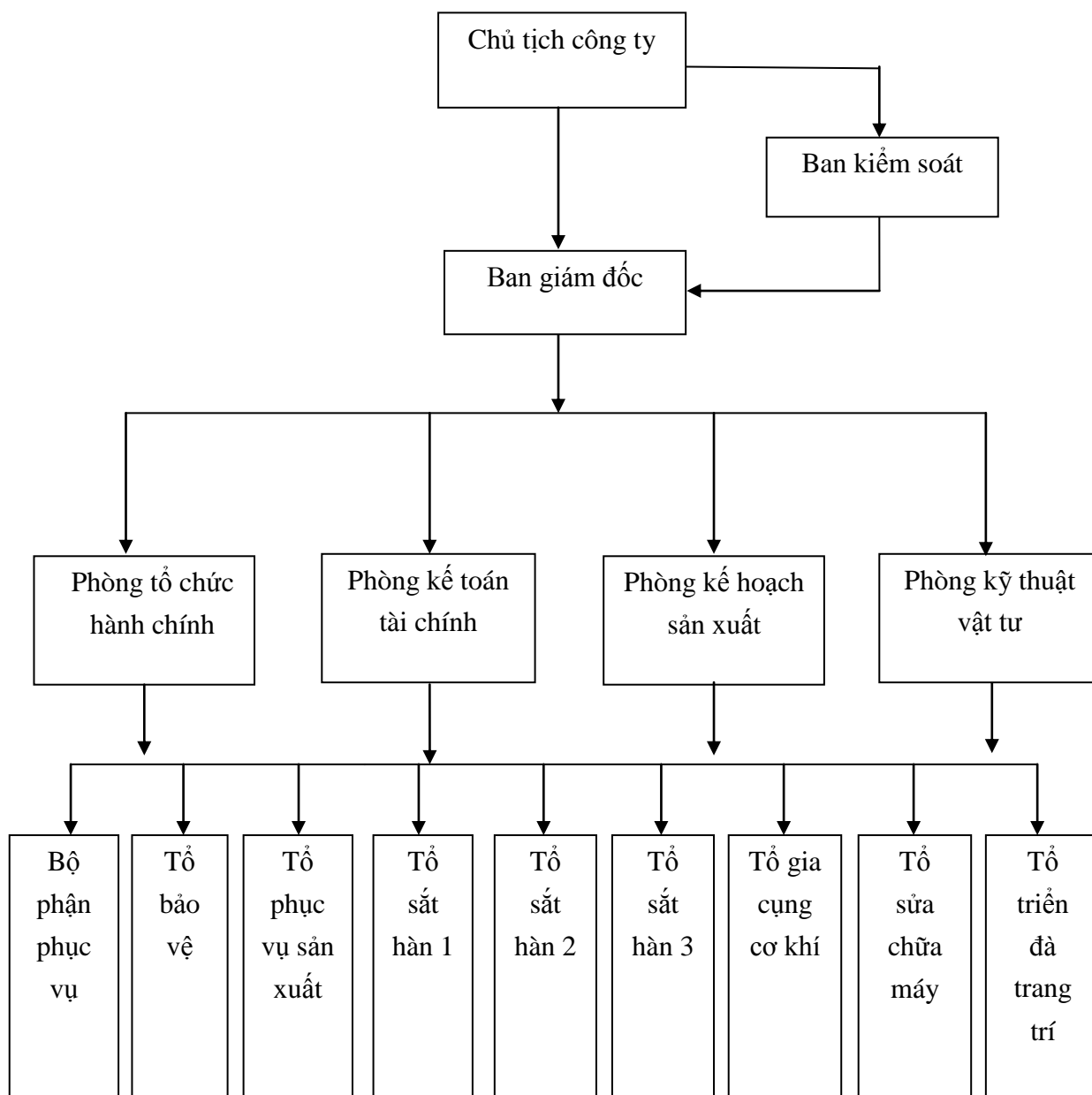
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu vận tải thủy;
- Bán buôn sắt thép, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn phế liệu; phế thải kim loại, phi kim loại.

Trong đó sản phẩm chủ lực là phương tiện thủy chở xăng dầu. Qui mô của đơn vị có sử dụng bến thủy địa, triều đà, sân bãi, nhà xưởng phục vụ việc đóng mới loại tàu pha sông biển tải trọng 300 tấn đến nay đã đóng được những phương tiện đến 2000 tấn.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Sau đây là mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty TNHH đóng tàu PTS Hải Phòng.



Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

- Chủ tịch công ty: Chủ tịch công ty là người quyết định cao nhất của công ty. Chủ tịch công ty có các quyền và nghĩa vụ như: Thông qua định hướng phát triển công ty, quyết định loại và tổng số cổ phần, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ...

- Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 1 thành viên cùng có nhiệm kỳ như nhiệm kỳ của HĐQT. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Ban giám đốc: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty trong mọi giao dịch. Theo quy định tại Điều lệ công ty, Giám đốc có các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 33 của Điều lệ công ty.
- Phòng tổ chức hành chính: Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác quy hoạch cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Xây dựng cơ chế hợp lý cho cán bộ công nhân viên với mục đích khuyến khích người lao động và kiểm tra xử lý những trường hợp bất hợp lý, có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khoẻ an toàn lao động.
- Phòng kế toán tài chính: Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán- tài chính hiện hành. Phân tích các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thường xuyên cung cấp cho giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Lập kế hoạch về vốn và đào tạo cho các hoạt động kinh doanh.
- Phòng kế hoạch sản xuất: Tham mưu và giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh, tổ chức kinh doanh các mặt hàng đã sản xuất, khai thác kinh doanh các mặt hàng khác (nếu có) có thể vận dụng cơ sở vật chất, thị trường hiện có. Tạo nguồn hàng điều chỉnh các khâu xuất nhập hàng hoá đến các đại lý, các khách hàng, quản lý hàng xuất nhập, hoá đơn chứng từ, hệ thống sổ sách theo dõi thống kê báo cáo... Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng hoá hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Phòng vật tư kĩ thuật: Tham mưu và giúp việc cho giám đốc về việc xây dựng các kế hoạch khoa học kĩ thuật và môi trường, xây dựng và quản lý định mức vật tư, quản lý tốt công nghệ sản xuất và công tác quản lý thiết bị.

- Bộ phận phục vụ: Đây là nơi phục vụ việc ăn uống và nghỉ ngơi của nhân viên trong công ty.
- Tổ bảo vệ: Tổ bảo vệ có trách nhiệm bảo vệ tài sản của công ty, trông coi xe và kiểm soát người ra vào trong công ty. Có nghi ngờ bất thường là phải báo ngay cho cấp trên.
- Các tổ hàn sắt,tổ gia công cơ khí,tổ sửa chữa máy: Có nhiệm vụ hàn xì, gia công sửa chữa tàu máy của công ty phục vụ gia tăng lợi nhuận.
- Tổ triển đà trang trí: Công việc của tổ này cũng khá quan trọng, vì đây là công việc cuối cùng để công ty có thể bán được sản phẩm, đây là nhân tố quyết định sơn tàu màu gì, trang trí thế nào cho vừa đẹp giá thành lại rẻ.

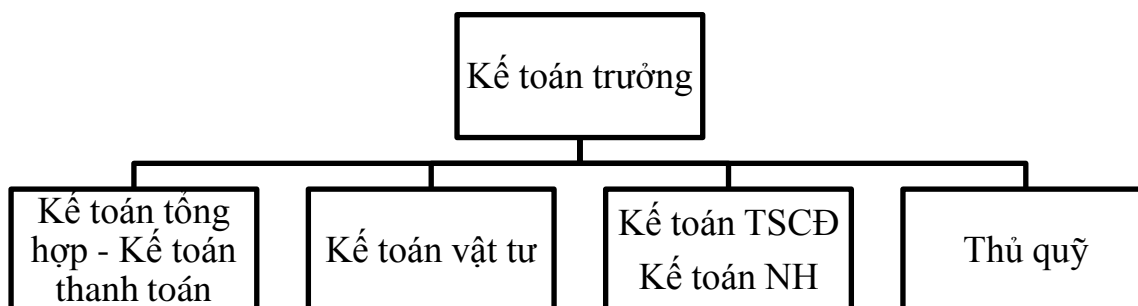
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.

Việc tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ hạch toán kế toán trong DN do bộ máy kế toán đảm nhiệm. Tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin, đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên kế toán. Để đảm bảo các yêu cầu trên, tổ chức bộ máy kế toán của DN phải căn cứ vào hình thức tổ chức công tác kế toán, vào đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh của DN; vào khối lượng,tính chất và mức độ phức tạp của các nghiệp vụ kinh tế-tài chính; cũng như trình độ quản lý, trình độ nghiệp vụ của các nhân viên quản lý và nhân viên kế toán.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh và tổ chức quản lý của công ty, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính. Hiện nay phòng kế toán tài chính của công ty có 4 người. Mô hình bộ máy kế toán của công ty được tổ chức như sau:

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty đóng tàu PTS Hải Phòng.



Chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên:

- Kế toán trưởng: Điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các NVKTPS, kí duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc, duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ. Tham mưu cho giám đốc trong việc sử dụng có hiệu quả tài chính công ty.
- Kế toán tổng hợp-Kế toán thanh toán: Là người có trách nhiệm tổng hợp các số liệu từ kế toán viên để lập các báo cáo tổng hợp đồng thời thực hiện các nghiệp vụ theo dõi các khoản thu chi, thanh quyết toán thuế với Ngân sách Nhà nước.
- Kế toán vật tư: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.
- Kế toán TSCĐ-Kế toán ngân hàng-Thủ quỹ: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ, lập bảng phân bổ và tính khấu hao cho TSCĐ định kì đồng thời cập nhật, theo dõi báo cáo thường xuyên tình hình thu chi TGNH và chịu trách nhiệm thu tiền mặt và chi tiền theo chứng từ thu chi hợp lệ đã được kí duyệt.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

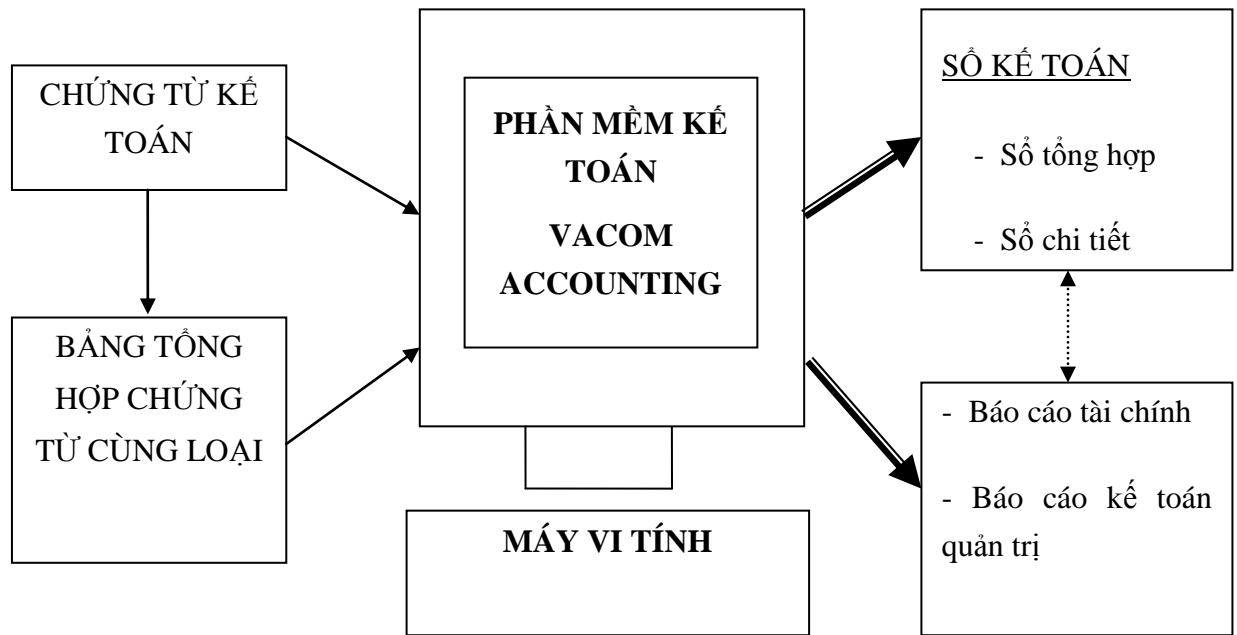
Hệ thống chứng từ và tài khoản của công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

- Niên độ kế toán của công ty là 1 năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập các báo cáo tài chính của Công ty.
- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính theo thông tư 203/209/TT-BTC do BTC ban hành ngày 20/10/2009.
- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Về chế độ tài khoản kế toán: Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán theo quy định, kết hợp với yêu cầu, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ quản lý, hệ thống tài khoản của công ty đóng tàu PTS sử dụng các tài khoản trong bảng và các tài khoản ngoài bảng của hệ thống tài khoản kế toán áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-03-2006 của Bộ Tài chính và không có tài khoản nào không có trong chế độ. Đồng thời, các tài khoản cấp 1 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2, cấp 3 và cấp 4 cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của Công ty.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính theo sơ đồ như sau.

Sơ đồ 2.3 : Quy trình hạch toán theo hình thức kế toán máy



- Ghi chú:
- > Nhập số liệu hàng ngày
 - =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng đã áp dụng hình thức kế toán máy. Phần mềm kế toán mà Công ty Đóng tàu PTS sử dụng là phần mềm Vacom Accounting.

Bên cạnh việc thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán theo quy định tại thông tư 103/2005/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2005, phần mềm Vacom Accounting còn có những ưu điểm nổi bật như:

- Có thể sử dụng đa ngôn ngữ tùy chỉnh theo ý người dùng, dễ học, dễ sử dụng, giao diện nổi bật.
- Phần mềm sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MS SQL Server 2005 dữ liệu được bảo mật tuyệt đối theo hệ thống phân quyền của hệ điều hành.
- Phần mềm có khả năng lưu trữ dữ liệu lớn, tốc độ truy xuất dữ liệu nhanh.
- Tính giá thành chi tiết theo sản phẩm, hợp đồng, đơn hàng. Phân tích giá thành theo khoản mục và yếu tố, hoặc theo bài toán ngược. Từ hóa đơn bán ra phần

mềm sẽ tự động cân đối nhập kho thành phẩm và xuất vật tư theo định mức khai báo.

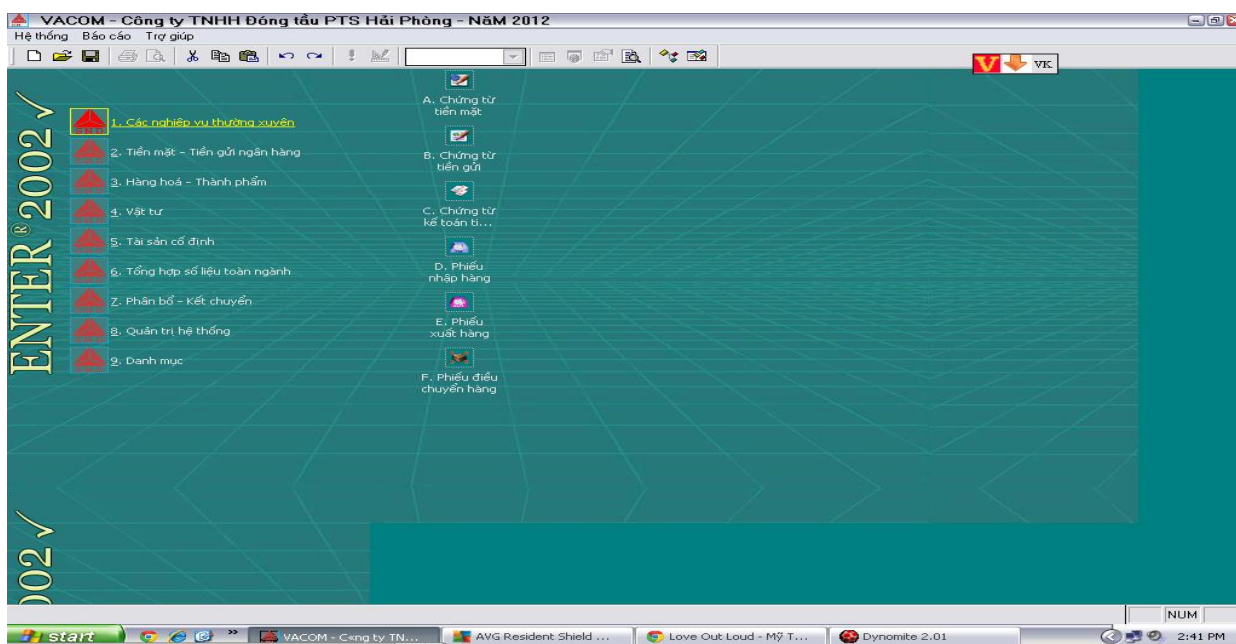
- Hỗ trợ quản lý vật tư, hàng hóa với số lượng lớn trên từng chứng từ, trên kho.
- Làm tới đâu xem báo cáo tức thời tời đó mà không cần tổng hợp số liệu.
- In hóa đơn đặt in, tự in theo nghị định 51: Xem (Print Preview) được cả thông tin trên Phôi hóa đơn trước khi in để tránh sai sót phải hủy hóa đơn (Độc đáo).
- Tuân thủ các quy định về chế độ kế toán, có đầy đủ các phân hệ kế toán, phù hợp với các phần hành kế toán trong Doanh nghiệp. Chạy trên mạng nhiều người dùng, bảo mật và phân quyền chi tiết từng chức năng.

Khái quát về cách sử dụng phần mềm Vacom Accounting.

Khởi động Vacom Accounting: kích đúp vào biểu tượng Vacom trên màn hình desktop.

Sau khi khởi động Vacom Accounting, hộp hội thoại Đăng nhập sẽ tự động xuất hiện cho phép người sử dụng mở dữ liệu kế toán. Công ty Đóng tàu PTS thực hiện việc phân quyền trong hạch toán. Theo đó, mỗi kế toán viên sẽ làm việc với một tài khoản riêng với một hoặc một số phần hành cố định được phụ trách. Phần mềm được thiết kế như sau:

Màn hình giao diện chính của phần mềm VACOM ACCOUNTING



Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung và sổ cái.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

2.1.4.4. Hệ thống báo cáo tài chính.

Hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN),
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN),
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN),
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN).

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

2.2.1. Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.

Là công ty sản xuất nên Công ty Đóng tàu PTS sử dụng rất nhiều nguyên vật liệu với số lượng lớn và thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu chiếm 60%-70% trong giá thành sản phẩm. Mặt khác, vật liệu có tính chất rất dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết nếu

không được bảo quản cẩn thận và dễ bị hao hụt trong quá trình vận chuyển. Chính vì vậy, công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả sẽ giúp giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Quản lý nguyên vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về mặt chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến chất, giảm giá trị sử dụng.

- Khâu thu mua : Công ty có bộ phận chuyên công tác thu mua, vận chuyển, bốc dỡ. Các bạn hàng, nhà cung ứng khá uy tín nên công tác thu mua và dự trữ nguyên vật liệu ít bị ngưng trệ.
- Khâu bảo quản dự trữ : tình hình quản lý nguyên vật liệu được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức sắp xếp gồm 2 kho : kho vật tư và kho thành phẩm. Việc sắp xếp trong từng kho cũng được thực hiện khá hợp lý, thuận tiện cho quá trình sản xuất.
- Khâu sử dụng : Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm được giảm phần nào.

Công tác quản lý nguyên vật liệu được thực hiện ở phòng kỹ thuật vật tư, bộ phận KCS, thủ kho và phòng kế toán.

- Phòng kỹ thuật vật tư : Có trách nhiệm quản lý, lập kế hoạch thu mua, nhập, xuất nguyên vật liệu trong kỳ, tìm hiểu, lựa chọn các nguồn cung ứng tốt nhất, lợi ích nhất. Định kỳ tiến hành kiểm kê, tham mưu cho giám đốc về các loại nguyên vật liệu cần nhập, các loại nguyên vật liệu còn tồn đọng nhiều... và các biện pháp giải quyết hợp lý tránh tình trạng cung ứng vật liệu không đủ cho sản xuất hoặc để tồn đọng quá nhiều gây lãng phí, giảm chất lượng nguyên vật liệu.
- Thủ kho : Là người có trách nhiệm nhập xuất nguyên vật liệu theo phiếu nhập, phiếu xuất, thực hiện đầy đủ thủ tục công ty quy định, tổ chức sắp xếp bảo quản nguyên vật liệu. Hàng ngày tiến hành ghi chép vào thẻ kho, cuối tháng đối chiếu

số liệu với kế toán vật tư, đồng thời kết hợp với các cán bộ chuyên môn tiến hành kiểm kê vật liệu thừa thiếu trong tháng.

- Kế toán vật tư : Là người chuyên theo dõi tổng hợp tình hình nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu, đồng thời hạch toán nguyên vật liệu, cuối kỳ đối chiếu số liệu với thủ kho.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.

Nguyên vật liệu tại Công ty Đóng tàu PTS rất đa dạng về chủng loại, kích cỡ nên để quản lý tốt mục này công ty phân thành 4 nhóm chính:

- Nhóm 1: Vật liệu chính : bao gồm các loại vật tư chủ yếu để chế tạo sản xuất sản phẩm và sửa chữa những chiếc tàu hư hỏng. Nhóm này chi tiết thành 246 vật liệu chính như gỗ, sắt, thép, tôn, dây, cột, máy biến áp, dao cắt ly, đinh, búa...
- Nhóm 2: Vật liệu phụ : bao gồm ôxi, sơn chống han rỉ, đất đèn, đinh... nhóm này chi tiết thành 21 loại vật liệu phụ.
- Nhóm 3: Nhiên liệu : bao gồm dầu, mỡ, dầu cách điện, dầu máy biến thế, nhựa cách điện, xăng... nhóm này chi tiết thành 15 loại vật liệu.
- Nhóm 4: Vật liệu thu hồi : bao gồm các loại vật liệu đã qua sử dụng nhưng đã cũ hoặc hết thời gian sử dụng thu hồi khi xây dựng mới hay sửa chữa lại tàu cũ. Những nguyên vật liệu này vẫn có thể dùng lại, hoặc bán ra ngoài.

2.2.1.3. Tính giá nguyên vật liệu.

*** Nguyên vật liệu nhập kho.**

Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất trong Công ty đều là các nguyên vật liệu mua ngoài, cán bộ phòng vật tư mua về và nhập kho. Công ty tổ chức kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nên giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{Nguyên vật liệu} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên HĐ} \\ \text{GTGT (chưa gồm VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array}$$

Ví dụ 1 : Theo hóa đơn GTGT 0000175 (Biểu 2.1), Công ty Đóng tàu PTS nhập kho Tôn CT3-6mm của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí, số lượng 8.478 kg, đơn giá 14.909 đ/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán. Hàng được bên bán vận chuyển thẳng tới và giao tại kho Công ty Đóng tàu PTS. Không có phát sinh chi phí thu mua.

Trị giá thực tế nhập kho Tôn CT3-6mm	=	Giá mua ghi trên HĐ GTGT (chưa gồm VAT)	+	Chi phí thu mua thực tế phát sinh
	=	Số lượng * đơn giá	+	Chi phí thu mua thực tế phát sinh
	=	8.478 * 14.909 đ/kg	+	0 đ
	=	126.399.350 đ		

*** Nguyên vật liệu xuất kho**

Do đặc điểm sản xuất, Công ty Đóng tàu PTS lựa chọn phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này,

Công thức tính giá xuất kho nguyên vật liệu theo phương pháp bình quân liên hoàn như sau:

Trị giá vật liệu xuất kho = S.lượng vật liệu xuất x Đơn giá bình quân liên hoàn

$$\text{Đơn giá BQ liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá VT tồn trước lần nhập n} + \text{Trị giá VT nhập lần n}}{\text{S.lượng VT tồn trước lần nhập n} + \text{S.lượng VT nhập lần n}}$$

Ví dụ 2 : Tháng 6/2011, tình hình Tôn CT3-6mm như sau:

1. Tồn đầu kỳ : 8606,1 kg, đơn giá 15.338đ/kg, trị giá 132.002.604đ.
2. Ngày 01 : Xuất 188,4 kg tôn cho tàu PTS05-Hoán cải.
3. Ngày 02 : Xuất 1789,8 kg tôn cho tàu H07-Trên đà.
4. Ngày 03 : Xuất 94,2 kg tôn cho tàu Hòa Anh 27-Đột xuất.
5. Ngày 04 : Xuất 282,6 kg tôn cho gia công mới phao neo cty Hà Thịnh.
6. Ngày 06 : Xuất 47,1 kg tôn cho tàu PTS05-Hoán cải.
7. Ngày 06 : Xuất 2798,2 kg tôn cho tàu PTS12-Hoán cải.
8. Ngày 06 : Xuất 1330,1 kg tôn cho tàu PTS12-Hoán cải.
9. Ngày 06 : Xuất 75,4 kg tôn cho tàu cửa hàng xăng dầu số 1-Đột xuất.
10. Ngày 11 : Xuất 37,7 kg tôn cho ống thông hơi cty Hòa Anh-Đột xuất.

11. Ngày 13 : Xuất 221,4 kg cho tếc xăng cty PTS-Đóng mới.
12. Ngày 15 : Xuất 1106,9 kg tôn cho tàu PTS05-Hoán cải.
13. Ngày 24 : Nhập 8.478kg Tôn CT3-6mm, đơn giá 14.909đ/kg, trị giá 126.399.350đ và từ đó đến cuối tháng không nhập thêm.
14. Ngày 24 : Xuất 2543,4 kg tôn cho tàu PTS10-Hoán cải.
15. Ngày 24 : Xuất 4239 kg tôn cho tàu PTS10-Hoán cải.
16. Ngày 27 :Xuất 1.695,6kg Tôn cho sản xuất tàu Đức Thành 350T-đóng mới.

Ta có đơn giá bình quân xuất kho Tôn CT3-6mm sau lần nhập ngày 24/06 :

$$= \frac{37.180.846 + 126.399.350}{2424,1 + 8.478} = 14.938,97 \text{ đ/kg}$$

Trị giá Tôn CT3-6mm xuất kho ngày 27/06/2011:

$$1.695,6 * 14.938,97 = 25.330.542 \text{ đ}$$

2.2.1.4. Thủ tục nhập – xuất nguyên vật liệu.

Khi Công ty ký hợp đồng sản xuất và cung cấp sản phẩm theo một dự án hoặc đơn đặt hàng, căn cứ vào bảng kê chi tiết hàng hóa đi kèm hợp đồng, phòng Kế hoạch – sản xuất tiến hành thiết kế sản phẩm theo đúng hợp đồng. Từ đây, phòng Kế hoạch - sản xuất sẽ tiến hành bóc tách nguyên vật liệu và xây dựng bản dự thảo tiến độ sản xuất sản phẩm phục vụ cho dự án (đơn hàng) bằng các phiếu giao việc và định mức nguyên vật liệu cho mỗi đơn vị sản phẩm. Sau khi được giám đốc ký duyệt, đây sẽ là các lệnh sản xuất chính thức.

Phiếu giao việc được lập thành 3 bản chuyển cho phòng Kỹ thuật – vật tư, phòng tài chính-kế toán, các tổ sản xuất.

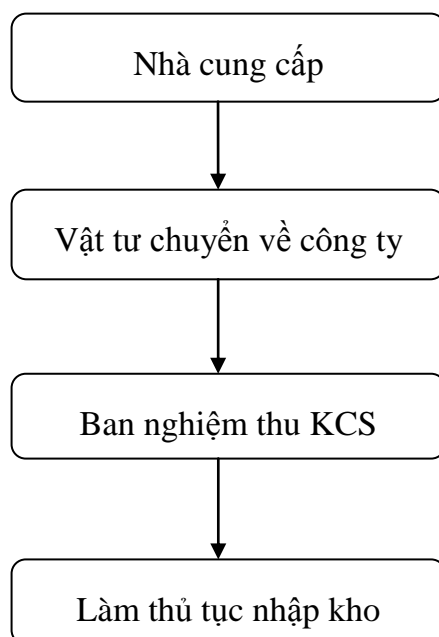
➤ Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.

- Quy trình nhập kho vật tư.

Khi vật tư, hàng hóa được chuyển về nhà máy. Bộ phận vật tư, hàng hóa gửi yêu cầu kiểm tra chất lượng cho phòng KCS. Phòng chất lượng kiểm tra chất lượng vật tư, hàng hóa. Vật tư, hàng hóa đảm bảo yêu cầu sẽ được tiến hành nhập kho.

Quy trình nhập vật tư hàng hóa được thể hiện qua Sơ đồ 2.4 như sau

Sơ đồ 2.4: Quy trình nhập vật tư hàng hóa



- Nghiệm thu vật tư.

Thành phần nghiệm thu gồm:

- Cán bộ vật tư chịu trách nhiệm về lô vật tư đó;
- Đại diện phòng chất lượng;
- Thủ kho.

Biên bản nghiệm thu chất lượng được lập thành 2 bản (do phòng KCS phát hành):

- 1 bản chuyển cho bộ phận vật tư;
- 1 bản phòng KCS giữ.

Căn cứ vào kết quả nghiệm thu theo phương pháp cân, đong, đo, đếm hoặc bằng cảm quan để quyết định.

- Đối với những vật tư không đủ yêu cầu (chất lượng, kích cỡ, màu sắc, tính năng sử dụng) sẽ trả về và yêu cầu nhà cung cấp đổi lại vật tư đạt chất lượng thay thế.

- Đối với vật tư đạt yêu cầu thì tiến hành nhập kho.

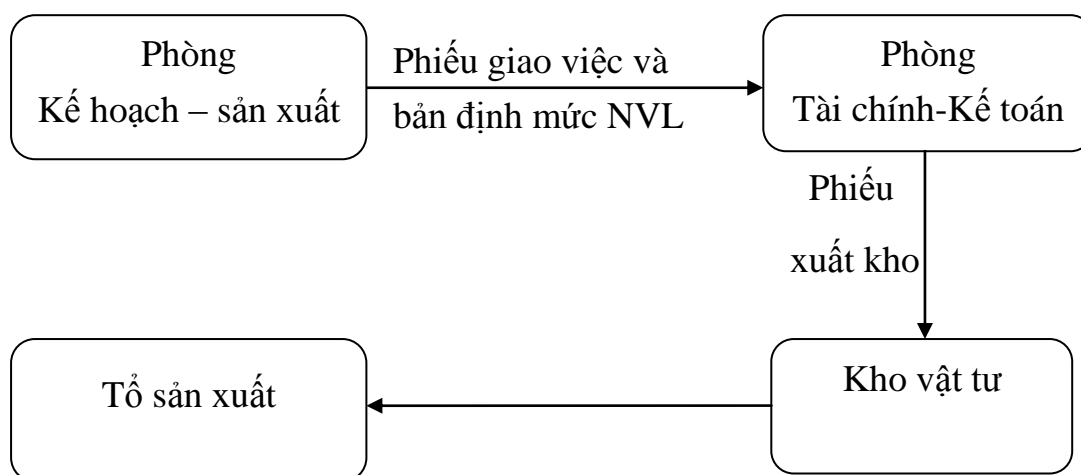
• Căn cứ vào hóa đơn GTGT hoặc phiếu xuất kho (của bên bán) và biên bản nghiệm thu chất lượng (đã đạt yêu cầu) thì kế toán vật tư tiến hành lập phiếu nhập kho (theo mẫu số 02-VT quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính). Phiếu nhập kho phải chính xác, thống nhất, đầy đủ nội dung và được lập sau khi có đủ thủ tục pháp lý về chứng từ hồ sơ tài liệu theo quy định mua hàng của Công ty. Phiếu ghi phải thống nhất tên hàng, đơn vị, mã số... và phải có đầy đủ chữ ký của các bộ phận liên quan.

➤ ***Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu.***

Dựa vào phiếu giao việc, các tổ sản xuất sẽ tiến hành lĩnh vật tư. Kế toán vật tư cho in phiếu xuất kho được chuyển xuống kho vật tư. Đến đây thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho nhận được, sẽ tiến hành cấp phát vật tư cho các tổ sản xuất. Thủ kho cấp phát vật tư cho các tổ sản xuất có trách nhiệm bảo quản vật tư từ khi lĩnh cho đến khi giao thành phẩm.

Quy trình cấp phát vật tư được mô hình hóa theo sơ đồ 2.5. như sau:

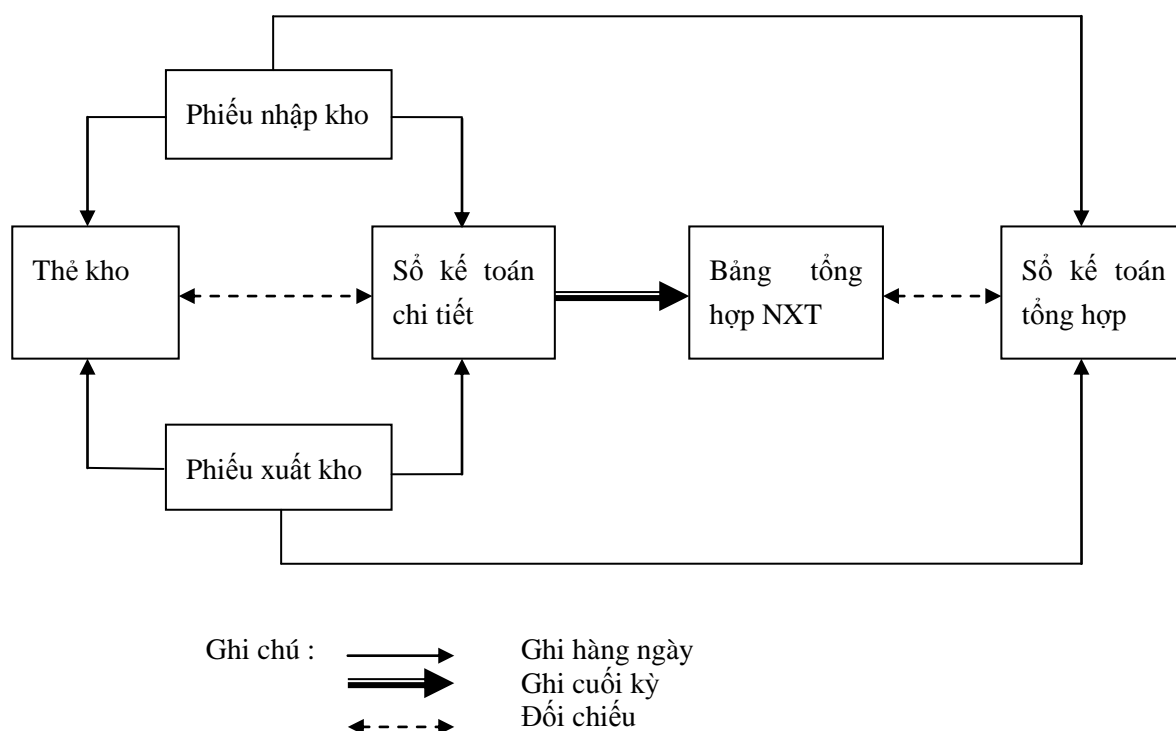
Sơ đồ 2.5 : Sơ đồ quy trình cấp phát vật tư



2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.

Quá trình nhập xuất vật tư tại công ty diễn ra thường xuyên nên công ty đã lựa chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song và áp dụng trên phần mềm Vacom accounting. Phương pháp này, có ưu điểm ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo PP thẻ song song.



Sau khi tiến hành thiết kế sản phẩm theo hợp đồng, phòng Kế hoạch – sản xuất sẽ bóc tách nguyên vật liệu và xây dựng bản dự thảo tiến độ sản xuất sản phẩm phục vụ cho dự án bằng các **Phiếu giao việc** và định mức nguyên vật liệu cho mỗi đơn vị sản phẩm.

Căn cứ vào các phiếu giao việc và tồn kho của nguyên vật liệu, phòng kỹ thuật vật tư sẽ lập kế hoạch thu mua vật tư.

Ví dụ 3: Ngày 24/06/2011 mua một lô nguyên vật liệu theo hóa đơn GTGT (biểu 2.1)

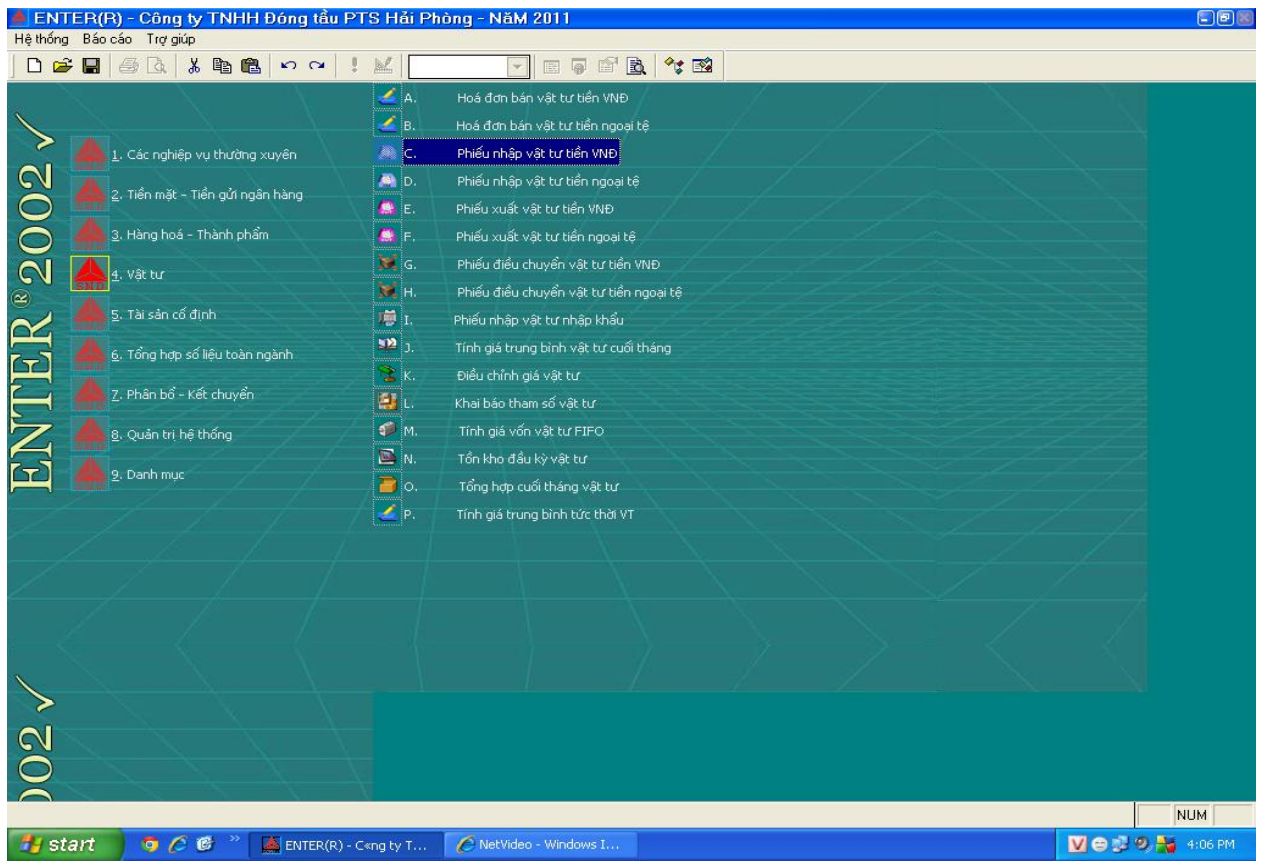
Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT mua hàng

HÓA ĐƠN GTGT Liên 2: Giao khách hàng <i>Ngày 24 tháng 06 năm 2011</i>			Mẫu số: 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0000175		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh kim khí Địa chỉ: Số 6- Nguyễn Trãi- Phường Máy Tơ-Ngô Quyền-Hải Phòng Số tài khoản: 0401291099 Điện thoại. (031) 382 6832 MS : 0200682519					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG Địa chỉ: Số 16 Ngô Quyền – Phường Máy Chai – Quận Ngô Quyền – Hải Phòng Tài khoản: 208 704 53 479 tại ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex-CN Hải Phòng Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán Mã số thuế: 02 008 20 994					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1.	Tôn CT3 – 6mm	Kg	8.478	14.909,1	126.399.350
2.	Tôn CT3 – 8mm	Kg	5.652	14.909,1	84.266.233
3.	Tôn CT3 – 10mm	Kg	3.533	14.909,1	52.666.396
4.	Tôn chống trượt – 5mm	Kg	761	15.454,5	11.753.147
Cộng tiền hàng:					275.085.126
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			27.508.513
Tổng cộng tiền thanh toán:					302.593.639
<i>Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm linh hai triệu, năm trăm chín ba nghìn, sáu trăm ba chín đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>					

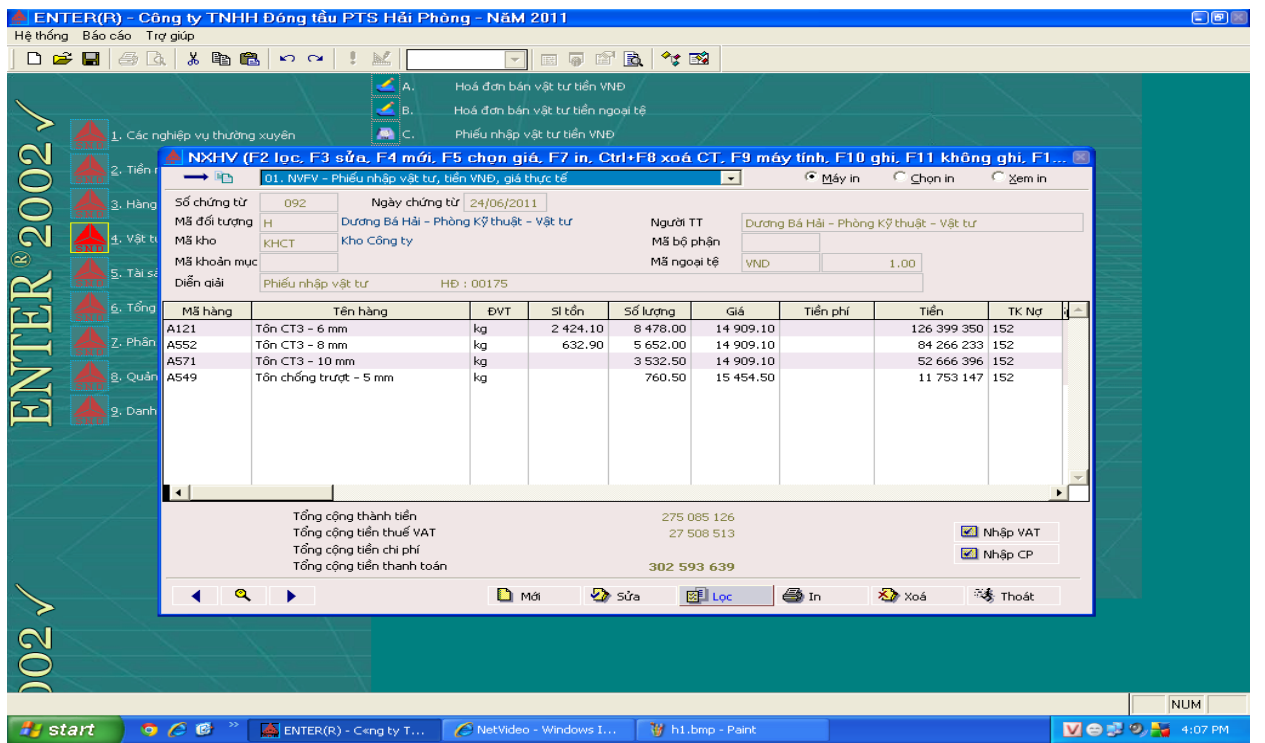
Căn cứ vào Hóa đơn mua hàng, kế toán vật tư tiến hành lập *Phiếu nhập kho* trên phần mềm. Từ màn hình phân hệ của phần mềm kế toán Vacom kích đúp chuột vào phân hệ *Vật tư* (biểu 2.2) → *Phiếu nhập vật tư tiền VND* sẽ xuất hiện giao diện *Phiếu nhập vật tư tiền VND* (biểu 2.3), kế toán vật tư tiến hành nhập số liệu vào phần mềm như sau:

- Số chứng từ : 092 Ngày chứng từ 24/06/2011
- Mã đối tượng : H
- Người thanh toán : Dương Bá Hải – Phòng Kỹ thuật-vật tư
- Mã kho : KHCT
- Diễn giải : phiếu nhập vật tư HD00175.
- Lần lượt nhập số liệu vào các cột mã hàng, tên hàng, đơn vị tính, số lượng, giá, thành tiền, tài khoản nợ, tài khoản có.
- Để nhập VAT kích vào nút *Nhập VAT* sẽ hiện ra giao diện màn hình thuế GTGT được khấu trừ, kế toán vật tư tiến hành nhập số liệu vào phần mềm.
- Ấn F10 để ghi nhận.
- Từ màn hình *Phiếu nhập vật tư tiền VND* ấn F7, để in *phiếu nhập kho* (biểu 2.4)

BIỂU 2.2: Màn hình phân hệ Vật tư



BIỂU 2.3 : Màn hình phân hệ Phiếu nhập vật tư tiền VND



Biểu 2.4: Phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số: 01-VT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 24 tháng 06 năm 2011

Họ tên người giao hàng: Dương Bá Hải – Phòng kỹ thuật-Vật tư

Số: 092

Diễn giải: Phiếu nhập vật tư HĐ: 00175

Tk nợ: 152,133

Nhập tại kho: **Kho công ty**

Tk có: 331

STT	Tên vật tư(hàng hóa)	Mã số	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.	Tôn CT3 – 6mm	A121	Kg	8.478	14.909,1	126.399.350	
2.	Tôn CT3 – 8mm	A552	Kg	5.652	14.909,1	84.266.233	
3.	Tôn CT3 – 10mm	A571	Kg	3.533	14.909,1	52.666.396	
4.	Tôn chống trượt – 5mm	A549	Kg	761	15.454,5	11.753.147	

Tiền trước thuế: 275.085.126

Nhập ngày 24 tháng 06 năm 2011

Tiền thuế VAT: 27.508.513

*Số tiền bằng chữ: Ba trăm linh hai triệu, năm trăm chín ba nghìn,
sáu trăm ba chín đồng.*

Tiền chi phí:

Tổng tiền: 302.593.639

Trưởng phòng
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ví dụ 4: Ngày 27/06/2011 xuất kho nguyên vật liệu phục vụ sản xuất Tàu Đức Thành 350T – Đóng mới. Căn cứ vào Phiếu giao việc kế toán vật tư lập Phiếu xuất kho trên phần mềm, sau khi nhập số liệu vào phần mềm ta được giao diện như sau (biểu 2.5):

Biểu 2.5: Màn hình phân hệ Phiếu xuất ĐC vật tư tiền VND

The screenshot shows the 'ENTER 2002' software interface. The main window is titled 'DCHV (F2 loc, F3 sửa/không ghi, F4 mới/ghi, F7 in, F8 xóa, F9 máy tính, F12 xem, Ctrl+A thuế VAT, Ctrl+F...)' and contains a form for '01. KVAV - Phiếu xuất ĐC vật tư, tiền VND, giá trung bình'. The form fields include:

- Số chứng từ: 335
- Ngày chứng từ: 27/06/2011
- Kho nguồn: KHCT
- Kho Công ty: Kho Công ty
- Kho đích: INDM350T
- Tàu Đức Thành 350T - Đóng mới
- Người TT: Ông Phú - SH2
- Khoản mục: (empty)
- Mã bộ phận: (empty)
- Ngoại tệ: VND
- Đơn vị: 1.00

The table below lists the materials being issued:

Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Sl tồn	Số lượng	Giá	Tiền phí	Tiền	TK Nợ
A580	ống thép D245 x 10,4	kg	655,60	210,60	15 909,00		3 350 435,00	621
A336	Cáp lùa D14	m	221,60	36,00	24 027,88		865 004,00	621
A596	Cốc bắt cáp D16 (L.doanh)	cái	60,00	36,00	16 000,00		576 000,00	621
A121	Tôn CT3 - 6 mm	kg	2 329,90	1 695,60	14 938,97		25 330 542,00	621

Summary values at the bottom of the form:

- Tổng cộng thành tiền: 30 121 981
- Tổng cộng tiền chi phí: (empty)
- Tổng cộng tiền chi phí: (empty)
- Tổng cộng tiền thanh toán: 30 121 981

Buttons for 'Nhập VAT' and 'Nhập CP' are visible. The bottom status bar shows 'Record: 54/1013' and 'Record Unlocked'.

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính và tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn, nên giá xuất kho của nguyên vật liệu sẽ được phần mềm tự tính. Để in *phiếu xuất kho* (biểu 2.6), từ màn hình *Phiếu xuất ĐC vật tư tiền VND* ấn F7.

Biểu 2.6: Phiếu xuất kho

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số: 02-VT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 06 năm 2011

Họ tên người giao hàng: Ông Phú-SH2

Số: **335**

Diễn giải: Tàu Đức Thành 350T - Đóng mới

Tk nợ:621

Xuất tại kho: **Kho công ty**

Nhập tại kho: **Tàu Đức Thành 350T-Đóng mới**

Tk có:152

STT	Tên vật tư(hàng hóa)	Mã số	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	G.chú
1.	ống thép D245 x 10,4	A580	Kg	210,60	15.909,00	3.350.435	
2.	Cáp lựu D40	A336	M	36,00	24.027,88	865.004	
3.	Cóc bắt cáp D16 (L.doanh)	A596	Kg	36,00	16.000,00	576.000	
4.	Tôn CT3 – 6mm	A121	Kg	1.695,60	14.938,97	25.330.542	

Xuất ngày 27 tháng 06 năm 2011

Thành tiền: 30.121.981

Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu, một trăm hai mươi một nghìn, chín trăm tám một đồng.

Trưởng phòng
(Ký,họ tên)

Người nhận hàng
(Ký,họ tên)

Người lập
(Ký,họ tên)

Thủ kho
(Ký,họ tên)

Tại kho, sau khi nhận được phiếu nhập kho hay phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành ghi chép số lượng nguyên vật liệu vào *Thẻ kho* (biểu 2.7) bằng tay. Cuối kỳ, thẻ kho sẽ được đối chiếu số liệu với *Sổ chi tiết vật tư* từ phần mềm, của kế toán vật tư.

Biểu 2.7: Thẻ kho tôn CT3 – 6mm**CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG****Mẫu số: S12-VT**(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC)**THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/01/2011

Tờ số: 121

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Tôn CT3-6mm
- Đơn vị tính: KG
- Mã số: A121

Stt	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn kho 31/5			8.606,1	
1.	1/6		008	Tàu PTS05-Hoán cải		188,4	8417,7	
2.	2/6		019	Tàu H07-Trên đà		1789,8	6627,9	
3.	3/6		033	Tàu Hòa Anh27-Đột xuất		94,2	6533,7	
4.	4/6		040	Phao neo cty Hà Thịnh-gia công mới		282,6	6251,1	
5.	6/6		057	Tàu PTS05-Hoán cải		47,1	6204	
6.	6/6		063	Tàu PTS12-Hoán cải		2798,2	3405,8	
7.	6/6		064	Tàu PTS12-Hoán cải		1330,1	2075,4	
8.	6/6		069	Cửa hàng xăng dầu số 1-Đột xuất		75,4	2000,3	
9.	11/6		133	ống thông hơi cty Hòa Anh-Đột xuất		37,7	1962,6	
10.	13/6		139	Téc xăng cty PTS đóng mới		221,4	1741,2	
11.	15/6		187	Tàu PTS05-Hoán cải		1106,9	6343,3	
12.	24/6	092		Dương Bá Hải nhập Tôn CT3-6mm	8.478		9112,3	
13.	24/6		307	Tàu PTS10-Hoán cải		2543,4	6568,9	
14.	24/6		308	Tàu PTS10-Hoán cải		4239	2329,9	
15.	27/6		335	Xuất kho sản xuất tàu Đức Thành350T		1695,6	634,3	
16.	30/6		368	Két nước Hà Thịnh-đột xuất		115,4	518,9	
17.	30/6		371	Tàu Đức Thành350T-đóng mới		423,9	95	
				Tổng cộng cuối kỳ	8.478	16.989,1	95	

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Thủ kho
(ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký, họ tên)**Giám đốc**
(ký, họ tên, đóng dấu)

Để xem *Sổ chi tiết vật tư* (biểu 2.11) ta thực hiện các bước như sau: từ màn hình phân hệ *Nhóm báo cáo* kích chuột vào phân hệ *Báo cáo Nhập xuất tồn vật tư* (biểu 2.8) → chọn *Sổ chi tiết vật tư (in cho từng loại vật tư)* (biểu 2.9). Từ đây sẽ hiện ra hộp thoại *Sổ chi tiết vật tư*, ta nhập số liệu như sau :

- Mã kho : KHCT;
- Mã vật tư : A121;
- Từ ngày 1/6 đến ngày 30/6.

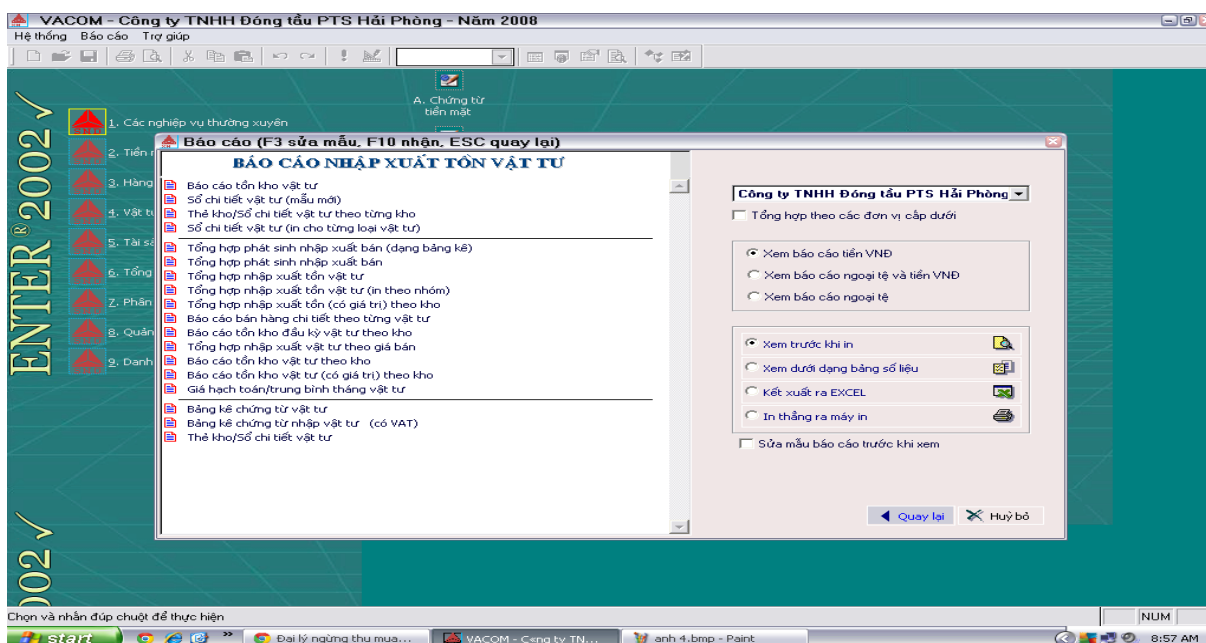
Sau khi nhập xong số liệu, kích vào nút *Nhận*.

Tương tự như vậy, từ phân hệ *Báo cáo Nhập xuất tồn vật tư* → chọn *Tổng hợp nhập xuất tồn vật tư* (biểu 2.10) để xem *Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật tư* (biểu 2.12). Từ đây, xuất hiện hộp thoại, nhập số liệu vào hộp thoại như sau:

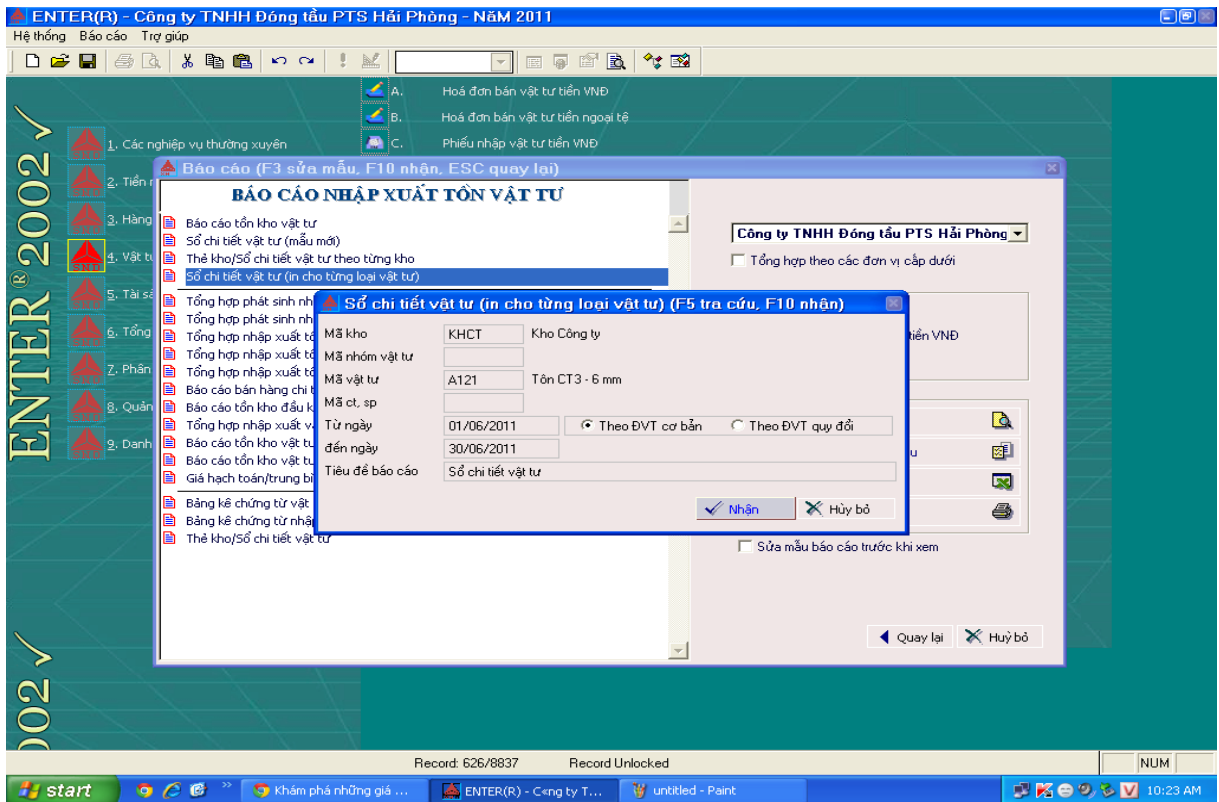
- Giá trị, số lượng : chọn giá trị và số lượng;
- Chứng từ từ ngày 01/06/2011 đến ngày 30/06/2011;
- Mã kho :KHCT

Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật tư bao gồm cả nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ; nên số dư đầu kỳ, nhập xuất trong kỳ, cũng như số dư cuối kỳ trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn sẽ không bằng số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ cũng như số dư cuối kỳ trên sổ cái TK152 (em đã nêu giải pháp cụ thể trong chương 3).

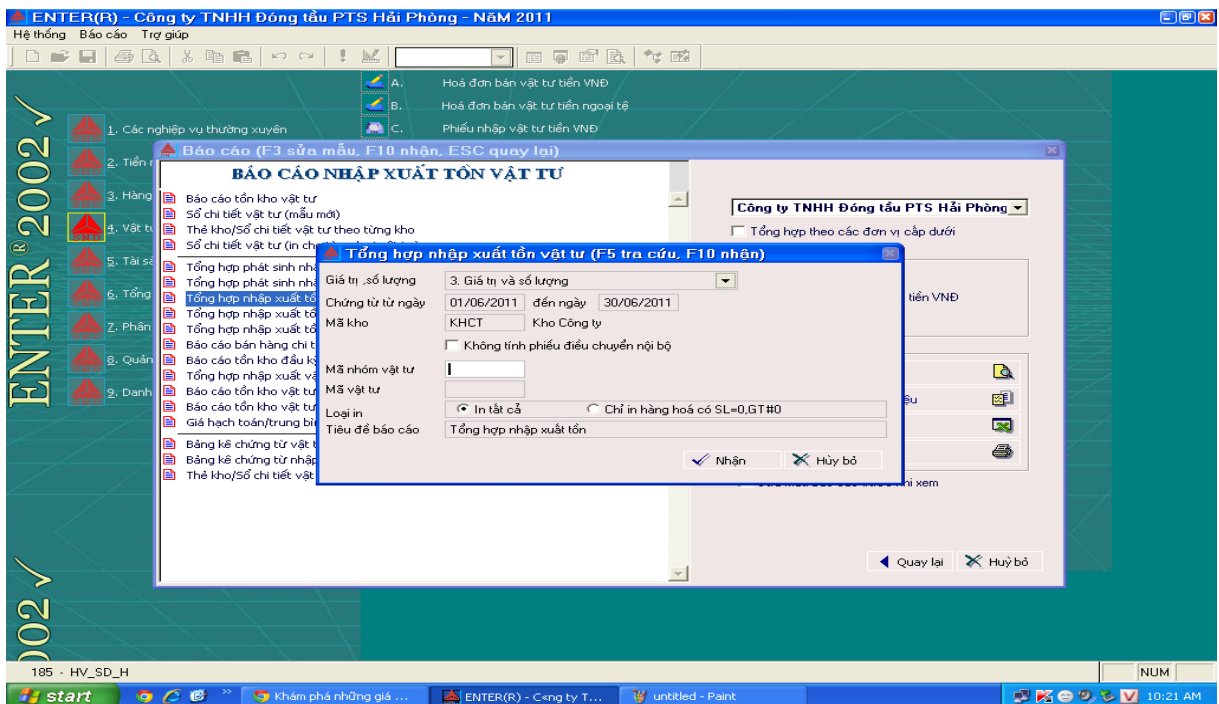
Biểu 2.8: Màn hình phân hệ Báo cáo nhập xuất tồn vật tư



Biểu 2.9: Màn hình phân hệ Sổ chi tiết vật tư



Biểu 2.10: Màn hình phân hệ tổng hợp nhập xuất tồn vật tư



Biểu 2.11: Sổ chi tiết vật tư

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Từ ngày 01/06/2011 đến 30/06/2011

Tài khoản: 152 Tên kho: KHCT

Tên vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Tôn CT3-6mm Mã: A121

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ							8606,1	132.002.604
008	1/6	Tàu PTS05-Hoán cải	621	15.338,26			188,4	2.889.729	8417,7	129.112.875
019	2/6	Tàu H07-Trên đà	621	15.338,26			1789,8	27.452.423	6627,9	101.660.452
033	3/6	Tàu Hòa Anh27-Đột xuất	621	15.338,26			94,2	1.444.864	6533,7	100.215.588
040	4/6	Phao neo cty Hà Thịnh-gia công mới	621	15.338,26			282,6	4.334.593	6251,1	95.880.995
057	6/6	Tàu PTS05-Hoán cải	621	15.338,26			47,1	722.432	6204	95.158.563
063	6/6	Tàu PTS12-Hoán cải	621	15.338,26			2798,2	42.919.519	3405,8	52.239.044
064	6/6	Tàu PTS12-Hoán cải	621	15.338,26			1330,1	20.401.420	2075,4	31.837.624
069	6/6	Cửa hàng xăng dầu số 1-Đột xuất	621	15.338,26			75,4	1.156.505	2000,3	30.681.119
133	11/6	ống thông hơi cty Hòa Anh-Đột xuất	621	15.338,26			37,7	578.253	1962,6	30.102866
139	13/6	Téc xăng cty PTS đóng mới	621	15.338,26			221,4	3.395.893	1741,2	26.706.973
187	15/6	Tàu PTS05-Hoán cải	621	15.338,26			1106,9	16.977.923	6343,3	9.729.050
092	24/6	Dương Bá Hải nhập Tôn CT3-6mm	621	14.909,1	8478	126.399.350			9112,3	136.128.400
307	24/6	Tàu PTS10-Hoán cải	621	14.938,97			2543,4	37.995.788	6568,9	98.132.612
308	24/6	Tàu PTS10-Hoán cải	621	14.938,97			4239	63.326.314	2329,9	34.806.298
335	27/6	Xuất kho sản xuất tàu Đức Thành350T	621	14.938,97			1695,6	25.330.542	634,3	9.475.775
368	30/6	Két nước Hà Thịnh-đột xuất	621	14.938,97			115,4	1.723.958	518,9	7.751.817
371	30/6	Tàu Đức Thành350T-đóng mới	621	14.938,97			423,9	6.332.631	95	1.419.186
		Cộng			8478	126.399.350	16.989,1	256.982.768	95	1.419.186
		Số dư cuối kỳ							95	1.419.186

Biểu 2.12: Bảng tổng hợp Nhập – xuất – tồn vật tư**Từ 01/06/2011 đến 30/06/2011**

Số thẻ	Loại vật tư	ĐV	SL tồn	Đơn giá	Thành tiền	SL nhập	Gtrị nhập	SL xuất	Gtrị xuất	SL tồn	Đơn giá	Gtrị tồn
...
115	Tôn CT3 - 14 mm	kg	460	15.793	7.264.874			262	4.131.781	198	15.792	3.133.093
116	Tôn CT3 - 20 mm	kg	1.638	15.670	25.671.115	79	1.230.118	144	2.262.793	1.572	15.670	24.638.440
117	Tôn CT3 - 22 mm	kg	216	12.961	2.802.626					216	12.961	2.802.626
118	Tôn CT3 - 2 mm	kg	274	15.680	4.296.415			31	492.363	243	15.680	3.804.052
119	Tôn CT3 - 3 mm	kg	179	13.636	2.440.916					179	13.636	2.440.916
120	Tôn CT3 - 4 mm	kg	4.102	13.966	57.293.018			287	4.008.263	3.815	13.966	53.284.755
121	Tôn CT3 - 6 mm	kg	8.606	15.338	132.002.604	8.478	126.399.350	16.989	256.982.768	95	14.939	1.419.186
...
224	Găng tay vải	Đôi	458	5.157	2.361.909	500	3.050.000	241	1.242.837	717	5.815	4.169.072
...
Tổng					1.984.948.265		753.341.407		1.326.990.459			1.411.299.213

2.2.5. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS.

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán nguyên vật liệu, Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này tình hình biến động nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của Công ty trên sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu giao việc;
- Phiếu nhập kho; Phiếu xuất kho.

2.2.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

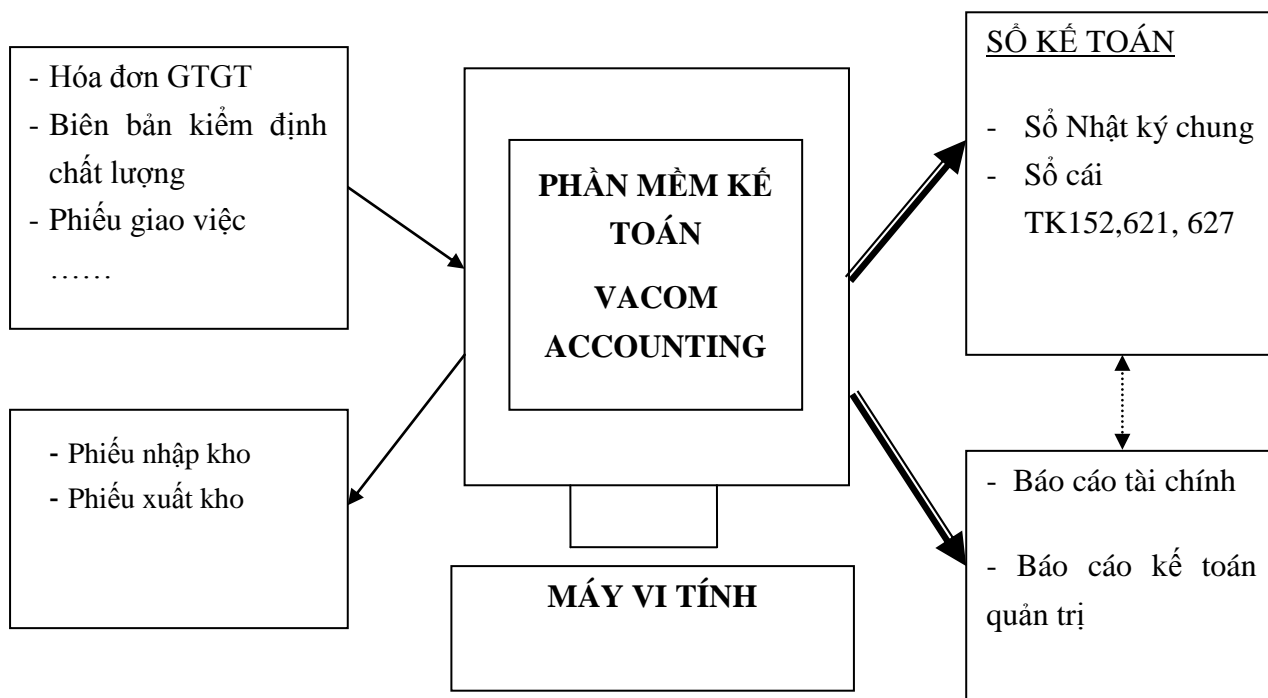
Để tổng hợp Nhập-Xuất vật tư, công ty sử dụng các tài khoản và sổ kế toán như sau:

- TK 152: Nguyên liệu, vật liệu
- TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
- TK 1111: Tiền mặt VNĐ
- TK 112 : TGNH
- TK 331: Phải trả người bán
- TK 141: Tạm ứng
- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 627: Chi phí sản xuất chung

2.2.5.3. Quy trình hạch toán.

Căn cứ Hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan khác, kế toán vật tư lập phiếu nhập kho, phiếu xuất kho vật tư trên phần mềm. Số liệu trên phiếu nhập kho, phiếu xuất kho sẽ tự động chạy vào các sổ sách kế toán theo quy trình như sau:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu theo hình thức kế toán máy



- Ghi chú:
- > Nhập số liệu hàng ngày
 - =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

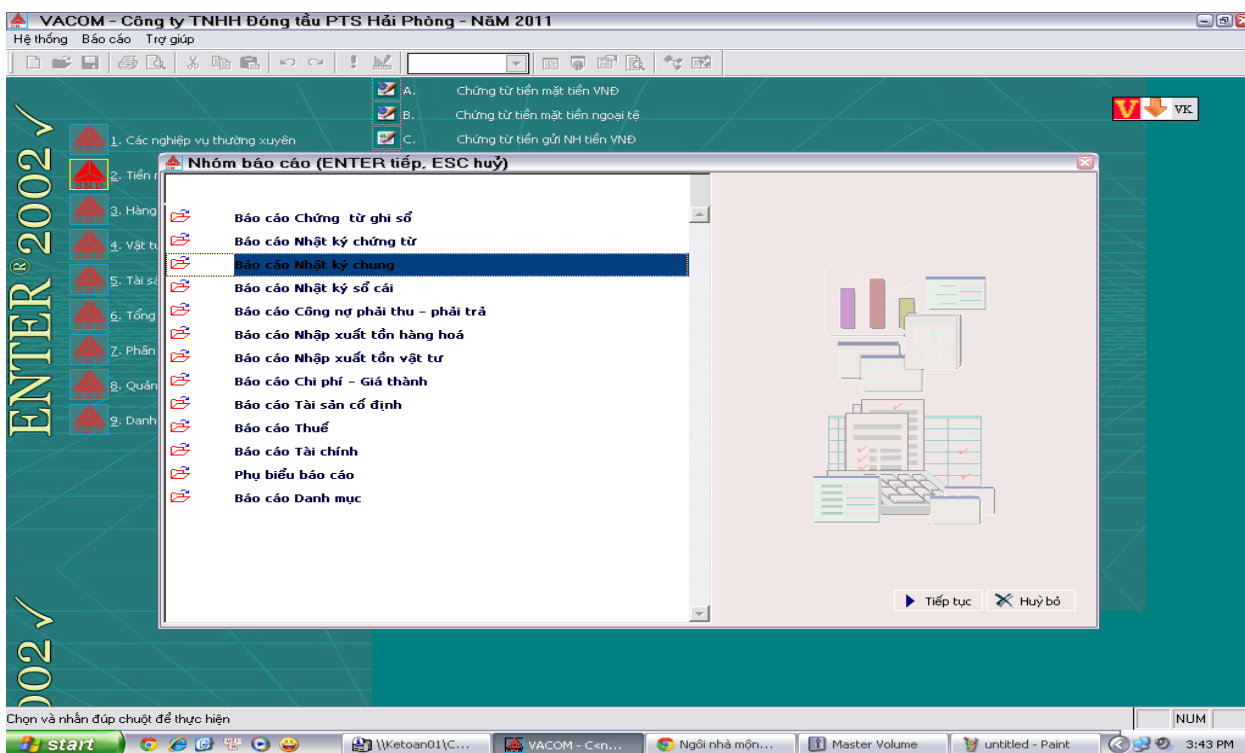
Xem và in ấn sổ sách kế toán liên quan trên phần mềm kế toán Vacom như sau:

Để xem *Nhật ký chung* (biểu 2.15), từ màn hình phần mềm kế toán kích chuột vào *Báo cáo*→chọn *Báo cáo Nhật ký chung* (biểu 2.13) →chọn *Sổ nhật ký chung*→chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Nhật ký chung kích chọn *in thẳng ra máy in*), khi xuất hiện hộp thoại kích chọn xem từ ngày 01/06/2011 đến ngày 01/06/2011.

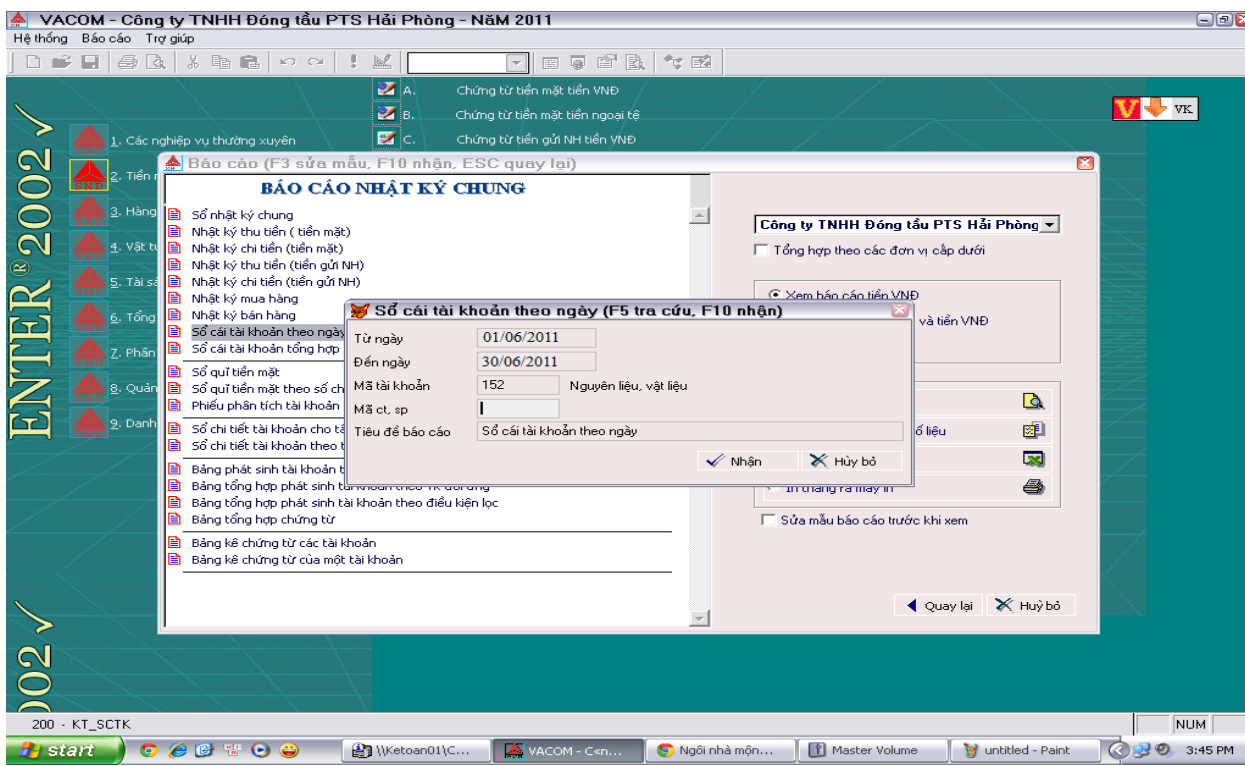
Để xem (in) *Sổ cái* (biểu 2.16), từ phân hệ *Báo cáo Nhật ký chung*→chọn *Sổ cái tài khoản theo ngày* (biểu 2.14)→ chọn *Xem báo cáo tiền VNĐ* (hoặc để in Sổ cái kích chọn *in thẳng ra máy in*) khi xuất hiện hộp thoại kích chọn xem từ ngày 01/06/2011 đến ngày 01/06/2011, mã tài khoản : 152.

Ấn F10 để nhận các thao tác.

Biểu 2.13: Màn hình phân hệ nhóm báo cáo



Biểu 2.14: Màn hình phân hệ Báo cáo Nhật ký chung



Biểu 2.15: Trích sổ Nhật ký chungĐơn vị: **CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG**Mẫu số **S03a-DN**

Địa chỉ: 16 Ngô Quyền, Ngô quyền, Hải phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/06/2011 đến ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Tổng cộng: 68.649.721.318 68.649.721.318

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
Số CT	Ngày, tháng			Nợ	Có
	
NH162	03/06	Phải trả cho người bán	331	43.109.000	
NH162	03/06	TGNH	1121 INDO		43.109.000
...
PX200	15/6	Chi phí sản xuất chung	627	3.321.022	
PX200	15/6	Nguyên vật liệu	152		3.321.022
...
PN092	24/6	Nguyên vật liệu	152	275.085.126	
PN092	24/6	Thuế GTGT được khấu trừ	133	27.508.513	
PN092	24/6	Phải trả cho người bán	331		302.593.639
	
PX335	24/6	Chi phí NVL trực tiếp	621	36.462.119	
PX335	24/6	Nguyên vật liệu	152		36.462.119
...
PN098	30/6	Nguyên vật liệu	152	56.874.698	
PN098	30/6	Chi phí nhiên liệu, vật liệu chính	1542:sc		56.874.698
	

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ...tháng ...năm 2011
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.16: Trích sổ cái TK 152

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN THEO NGÀY**

Từ ngày 01/06/2011 đến ngày 30/06/2011

Tài khoản 152-Nguyên vật liệu

Dư nợ đầu kỳ: 1.942.026.009

Dư có đầu kỳ:

Dư nợ cuối kỳ: 1.360.040.138

Dư có cuối kỳ:

Tổng cộng: 739.231.407 1.321.217.278

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Phát sinh	
Số CT	Ngày			Nợ	Có
...
PX180	5/6	Chi phí NVL trực tiếp	621		16.845.413
..
PN089	10/6	Phải trả cho người bán	331	263.149.351	
...
PX200	15/6	Chi phí sản xuất chung	627		3.321.022
...
PN092	24/6	Phải trả cho người bán	331	275.085.126	
...
PX335	24/6	Chi phí NVL trực tiếp	621		36.462.119
....
PN098	30/6	Chi phí nhiên liệu, vật liệu chính	1542:sc	56.874.698	

Ngày tháng năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

2.2.6. Công tác tổ chức kiểm kê vật tư

Mục đích của kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty.

Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu 06 tháng một lần tại kho trong Doanh nghiệp. Số lượng kiểm kê trên sổ sách kế toán phải được chuẩn bị từ trước theo từng loại, từng kho hoặc từng đơn vị quản lý sử dụng tài sản để phân nhóm tổ chức kiểm kê.

Biên bản kiểm kê không chỉ có nhiệm vụ kiểm đếm chính xác số hiện có của nguyên vật liệu, mà còn phải xác định chính xác phẩm chất, tình trạng hiện có của chúng. Kết quả kiểm kê được phản ánh trên Biên bản kiểm kê. Kết quả kiểm kê được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Công ty xem xét và cho phương án xử lý theo quy định chung. Biên bản kiểm kê là cơ sở của kế toán ghi sổ kế toán cho niên độ mới tiếp theo.

Biểu 2.18: Biên bản kiểm kê sản phẩm, hàng hóa tồn kho

Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng

BIÊN BẢN KIỂM KÊ SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TỒN KHO

Thời điểm kiểm kê giờ 9h30' ngày 30 tháng 06 năm 2011

Ban kiểm kê gồm:

Bà : Nguyễn Thị Ngọc Hải. Chức vụ : *kế toán vật tư*

Ông : Nguyễn Văn Tư. Chức vụ : *thủ kho vật tư*

Ông : Hà Trung Tường. Chức vụ : *nv phòng kế hoạch - sản xuất*

Đã kiểm kê có những mặt hàng dưới đây

TT	Tên nhóm hiệu, quy cách vật tư	ĐV	Đơn giá	Theo sổ kiểm kê		Theo sổ kế toán		Chênh lệch	
				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Đá mài nhật to	cái	42.200	5	211.000	5	211.000	0	0
2	Đồng lá 0,5 mm	kg	52.000	3	156.000	3	156.000	0	0
3	Đồng lá 1 mm	kg	112.445	8	896.188	8	896.188	0	0
4	Mặt bích 450x350x25	cái	156.665	2	313.330	2	313.330	0	0
5	Đồng D130x70x40	kg	39.340	4	137.690	4	137.690	0	0
6	Đồng D130xD90x420	kg	36.783	23	846.000	23	846.000	0	0
7	Đồng D25	kg	83.143	5	423.200	5	423.200	0	0
8	Đầu bơm HD 20m3/h (LT 20-18)	cái	4.318.412	2	8.636.824	2	8.636.824	0	0
9	Đầu bơm HD 9m3/h (LT 9-17)	cái	3.057.846	1	3.057.846	1	3.057.846	0	0
10	Bình ắc qui 12 V - 182 Ah	bình	2.642.550	1	2.642.550	1	2.642.550	0	0
...	0	0

112	Que hàn chịu lực	kg	30.000	5	150.000	5	150.000	0	0
113	Que hàn i nox - 4 mm	kg	0	0	0	0	0	0	0
114	Tôn chống trượt 3 mm	kg	13.364	145	1.939.055	145	1.939.055	0	0
115	Tôn CT3 - 14 mm	kg	15.792	198	3.133.093	198	3.133.093	0	0
116	Tôn CT3 - 20 mm	kg	15.670	1.572	24.638.440	1.572	24.638.440	0	0
117	Tôn CT3 - 22 mm	kg	12.961	216	2.802.626	216	2.802.626	0	0
118	Tôn CT3 - 2 mm	kg	15.680	243	3.804.052	243	3.804.052	0	0
119	Tôn CT3 - 3 mm	kg	13.636	179	2.440.916	179	2.440.916	0	0
120	Tôn CT3 - 4 mm	kg	13.966	3.815	53.284.755	3.815	53.284.755	0	0
121	Tôn CT3 - 6 mm	kg	14.939	95	1.419.186	95	1.419.186	0	0
...	0	0
CT019	Bạc biên cos2 máy 4135G	Côp	60.000	6	360.000	6	360.000	0	0
CT020	Bạc biên cos0 máy 6L160	Kg	860.000	3	2.580.000	3	2.580.000	0	0
CT021	Dàn cò máy 4135G	Côp	230.000	5	1.150.000	5	1.150.000	0	0
CT022	Bạc biên cos0 máy 4135G	Cái	60.000	4	240.000	4	240.000	0	0
CT023	Vòng bi 206	Cái	35.000	1	35.000	1	35.000	0	0
CT024	Chổi than máy phát 5KW	Cái	15.000	6	90.000	6	90.000	0	0
CT025	Rơ le đề máy 4135G	Cái	80.000	1	80.000	1	80.000	0	0
CT026	Mặt qui lát máy 6L160 (Qua SD)	Cái	950.000	2	1.900.000	2	1.900.000	0	0
CT027	Mặt bích 10K-D168	Cái	254.902	26	6.627.445	26	6.627.445	0	0
CT028	Mặt bích 10K-D168	cái	70.167	17	1.192.833	17	1.192.833	0	0
	Tổng			69.767	1.360.040.138	69.767	1.360.040.138	0	0

P.kế toán

P.kế hoạch-sản xuất

P.vật tư

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

Qua 4 năm xây dựng và phát triển, Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng với chiến lược sản xuất kinh doanh nhạy bén, đúng đắn và sự nỗ lực của ban lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên, công ty đã có tốc độ tăng trưởng nhanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường bất ổn định như hiện nay, công ty đã và đang giữ vững được vị thế, tính độc lập, tự chủ trong ngành sản xuất kinh doanh đóng tàu; biết khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng, được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban lãnh đạo và các phòng ban, đặc biệt là phòng Tài chính – Kế toán đã tạo điều kiện cho em được tiếp cận với thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Với kiến thức đã học và quá trình tiếp xúc thực tế các phần hành kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng, em nhận thấy công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu có những ưu điểm và những hạn chế như sau:

3.1.1. Ưu điểm.

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, Công ty Đóng tàu PTS đã không ngừng nâng cao phương thức quản lý, mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm thời gian. Với việc áp dụng quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh đã đem lại lợi ích tối đa cho công ty, góp phần nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên trong toàn công ty và đóng góp một phần không nhỏ trong công cuộc xây dựng đất nước.

➤ **Về tổ chức bộ máy quản lý :**

Với hình thức tổ chức quản lý trực tuyến – chức năng, bộ máy quản lý tổ chức của công ty gọn nhẹ, thống nhất. Bên dưới ban lãnh đạo các phòng ban được xây dựng hợp lý, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo số lượng được giao.

➤ **Về tổ chức bộ máy kế toán :**

Công ty Đông tàu PTS hiện có bộ máy kế toán tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện đúng theo chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với mô hình quản lý của công ty.

Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành mà mình phụ trách, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác đến đối tượng sử dụng. Ngoài ra, các nhân viên kế toán không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình, tiếp thu kịp thời, vận dụng linh hoạt chế độ kế toán mới, có tinh thần đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau công việc. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Với mô hình kế toán tập trung là mô hình đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với công tác kiểm tra, xử lý, cung cấp thông tin giúp ban lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng, chính xác.

Việc áp dụng phần mềm Vacom Accounting, giúp giảm thiểu công việc ghi chép thủ công hàng ngày đồng thời làm tăng năng suất của công tác kế toán, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp trong quản lý. Làm kế toán bằng phần mềm giúp cho thông tin kế toán được cung cấp kịp thời, chính xác, tạo sự thông suốt trong công tác tài chính kế toán. Ngoài ra, sử dụng phần mềm kế toán tạo điều kiện cho nhiều người có thể sử dụng cùng một lúc trên một hệ thống mà vẫn đảm bảo tính bảo mật trong công việc của mỗi người.

➤ ***Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán:***

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định Số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo phản ánh nhanh chóng tình hình biến động của công ty.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp được sử dụng phổ biến ở nước ta.

Công ty áp dụng kế toán trên máy vi tính giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, tiết kiệm, khoa học và hiệu quả .

Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định hiện hành của nhà nước.

➤ ***Về công tác kế toán nguyên vật liệu :***

Công ty đã hạch toán nguyên vật liệu theo đúng chuẩn mực kế toán số 02 về hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra liên tục, thường xuyên, kịp thời phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.

Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công ty áp dụng phương pháp thẻ song song, phương pháp này giúp cho phòng kế toán theo dõi chặt chẽ từng nguyên vật liệu từ khâu thu mua, về kho bãi đến khi xuất dùng, việc đối chiếu giữa sổ và các chứng từ đơn giản, chính xác, việc quản lý được dễ dàng và kịp thời.

- Về khâu thu mua nguyên vật liệu : phòng vật tư đảm nhận công tác thu mua nguyên vật liệu trên cơ sở đã xem xét cân đối giữa kế hoạch sản xuất và nhu cầu. Do công ty đã làm tốt từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, ký kết hợp đồng, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng nên việc thu mua được tiến hành quy củ, chất lượng và số lượng vật tư được đảm bảo đúng yêu cầu sử dụng, không phát sinh những chi phí không cần thiết.

- Về khâu sử dụng : công ty căn cứ vào định mức, kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu để chủ động có trong công tác thu mua nguyên vật liệu nên lượng tồn kho ít, vốn không ứ đọng, nguyên vật liệu được dùng đúng mục đích, việc quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ và là cơ sở chủ yếu trong kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm của công ty Đóng tàu PTS.

- Về khâu dự trữ : với đặc tính sản phẩm cần sử dụng khối lượng vật tư lớn, chủng loại vật tư nhiều, đa dạng nên công ty tổ chức kế hoạch sản xuất theo từng đơn đặt hàng để đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất, không để tình trạng ứ đọng nhiều nguyên vật liệu hay quá trình sản xuất kinh doanh bị gián đoạn.

- Công tác bảo quản : kho tàng của công ty được bố trí hợp lý, ở nơi khô ráo, thoáng mát, phù hợp với đặc tính và cách phân loại nguyên vật liệu. Nhân viên thủ kho có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn tốt đảm bảo nguyên vật liệu không xảy ra tình trạng hỏng hóc hay mất mát.

Tóm lại, việc hạch toán nguyên vật liệu tại công ty Đóng tàu PTS đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc phản ánh, giám sát tình hình hoạt động của công ty cũng như tình hình biến động của nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất giúp các nhà quản trị đưa ra quyết định đúng đắn, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, hạ thấp giá thành sản phẩm, tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp.

3.1.2. Những mặt còn hạn chế.

- Hiện nay, nguyên vật liệu của công ty được mã hóa chưa logic, khoa học, thể hiện qua (biểu 3.1) mã nguyên vật liệu được đánh theo số thẻ kho mở cho vật liệu đó, ví dụ như : Tôn CT3-6mm mã số là A121 tương ứng với số thẻ kho mở A121, thể hiện qua (biểu 3.1) như sau:

Biểu 3.1: Danh điểm nguyên vật liệu

Nhóm	Mã số nguyên vật liệu	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Tôn CT3
	117	Tôn CT3-22mm	Kg	
	118	Tôn CT3-2mm	Kg	
	119	Tôn CT3-3mm	Kg	
	120	Tôn CT3-4mm	Kg	
	121	Tôn CT3-6mm	Kg	
...
Thép inox
	44	Thép inox D14	Kg	
	45	Thép inox D16	Kg	
	46	Thép inox D20	Kg	
	47	Thép inox D22	Kg	
	48	Thép inox D35	Kg	
...
Bulông inox
	57	Bulông inox M10x30	Cái	
	58	Bulông inox M14x40	Cái	
	59	Bulông inox M16x40	Cái	
	60	Bulông inox M16x60	Cái	
...

Công ty Đóng tàu PTS là một doanh nghiệp sản xuất đóng mới và sửa chữa tàu và kết cấu kiện nổi. Nguyên vật liệu mà công ty sử dụng rất đa dạng, nhiều chủng loại và biến động liên tục. Vì vậy để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, đồng thời tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và phòng kế toán công ty cần lập lại sổ danh điểm nguyên vật liệu. Trong sổ danh điểm nguyên vật liệu được phân chia chi tiết theo tính

năng hóa lý, theo quy cách phẩm chất và đặc biệt là được mã hóa thành một hệ thống đảm bảo tính logic, thuận tiện việc tìm kiếm thông tin của nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất.

- Về việc luân chuyển chứng từ : việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

- Về công tác quản lý nguyên vật liệu : công ty chỉ có một kho để lưu trữ và bảo quản cả nguyên vật liệu lẫn công cụ dụng cụ, điều này dẫn đến việc dễ nhầm lẫn, mất mát trong quá trình nhập xuất nguyên vật liệu hay công cụ dụng cụ.

- Công ty vẫn thực hiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đối với nguyên vật liệu mua về không qua kho. Cụ thể như việc mua nguyên vật liệu về dùng ngay cho sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho, công việc này mang tính rườm rà, mất nhiều công sức và thời gian.

- Về phân loại nguyên vật liệu : công ty có phân chia nguyên vật liệu thành 4 nhóm, đó là vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, vật liệu thu hồi. Tuy nhiên khi hạch toán, kế toán chỉ sử dụng một loại tài khoản, TK152 : nguyên vật liệu. Ví dụ như sơn chống han rỉ là nguyên vật liệu phụ, nhưng khi hạch toán kế toán vẫn sử dụng chung là TK152. Điều này không phản ánh đúng chức năng và công dụng của từng loại nguyên vật liệu gây ra khó khăn cho công tác quản lý và dễ nhầm lẫn các loại với nhau.

- Về việc kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu nhập kho : Công ty mới chỉ tiến hành nghiệm thu đối với những nguyên vật liệu nhập kho có giá trị lớn hoặc yêu cầu về chất lượng cao còn những nguyên vật liệu có giá trị nhỏ hay số lượng nhiều, vật liệu có quy cách hay đơn giá khác nhau thì chưa được tiến hành nghiệm thu trước khi nhập kho. Như vậy, giữa những loại nguyên vật liệu giống nhau mà khác nhau về đơn giá có thể bị nhầm lẫn, hay số lượng nguyên vật liệu bị thiếu không đúng với đơn mua hàng.

- Công tác tổ chức kiểm kê vật tư của công ty được tiến hành 2 lần trong năm vào thời điểm 30/6 và 31/12. Công tác kiểm kê tại công ty được tiến hành như vậy là ít, thời gian giữa hai lần kiểm kê cách xa nhau vậy nếu xảy ra tình trạng hỏng hóc, mất mát khó tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm. Nguyên vật liệu mà công ty sử dụng rất dễ bị

biến đổi phẩm chất, chất lượng nếu không được bảo quản đúng vì vậy nếu công tác kiểm kê ít được thực hiện sẽ không phát hiện được kịp thời sự biến đổi của nguyên vật liệu sẽ gây lãng phí, tốn kém, ảnh hưởng tới quá trình sản xuất kinh doanh.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

3.2.1.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Đóng tàu PTS.

Hiện nay, nền kinh tế thị trường không ổn định, các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đặc biệt là ngành công nghiệp đóng tàu càng phải tìm ra những biện pháp để cải thiện và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Để làm được như vậy, thì doanh nghiệp càng phải quan tâm đến nguyên vật liệu đầu vào vì nguyên vật liệu thường chiếm 60% - 70% trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm ra giải pháp tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, góp phần trong việc tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Công ty Đóng tàu PTS mặc dù có nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và đồng bộ nguyên liệu cho sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

3.2.1.2. Nguyên tắc và các yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Đóng tàu PTS.

- Nguyên tắc hoàn thiện.

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty cần đảm bảo các nguyên tắc quan trọng trong kế toán sau đây:

- Nguyên tắc nhất quán : kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- Nguyên tắc giá gốc : quy định nguyên vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng : để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

Ngoài ra cũng cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản như yêu cầu về tính khách quan, trung thực, đầy đủ và kịp thời.

- Yêu cầu hoàn thiện.

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trước hết phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau, có thể áp dụng các hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó chính là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng so sánh, đối chiếu và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và về công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có một đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn cho mình một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau (phương pháp kế toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá vốn xuất kho...). Doanh nghiệp không áp dụng cứng nhắc, dập khuôn mà nên linh hoạt chọn những hình thức, phương pháp kế toán thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ đem lại hiệu quả cao trong công tác kế toán mà vẫn đảm bảo đúng chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.

- Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy các thông tin về kế toán đưa ra phải đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các

quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện nhưng vẫn dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét cho đến cùng là tối đa hóa lợi nhuận.

Đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán nguyên vật liệu sẽ thực hiện được tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

3.2.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu nhằm nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

Từ những kiến thức lý luận được trang bị trong nhà trường, cùng với tình hình thực tế tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng, em có một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty như sau :

3.2.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu.

Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng là một công ty chuyên đóng mới và sửa chữa tàu nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, phẩm chất, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em, công ty Đóng tàu PTS nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm nguyên vật liệu”.

Sổ danh điểm nguyên vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu, giúp cho việc quản lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập – xuất – tồn. Khi có sổ danh điểm, việc cập nhật số

liệu vào phần mềm kế toán và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận lợi hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau :

- Dựa vào vật liệu;
- Dựa vào số nhóm vật liệu trong mỗi loại;
- Dựa vào số thứ vật liệu trong mỗi nhóm;
- Dựa vào số quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Dựa vào các con số tự nhiên, em xin đề xuất quy ước sau để xây dựng bộ mã nguyên vật liệu

- Trước hết bộ mã nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số hiệu tài khoản cấp 2 đối với vật liệu :

Vật liệu chính : TK1521

Vật liệu phụ : TK1522

Nhiên liệu : TK1523

Vật liệu thu hồi : TK1524

Vật liệu khác : TK1528

- Để biểu thị nhóm nguyên vật liệu có cùng tính chất, chức năng và vai trò tương tự nhau, thì ta thêm số tự nhiên thứ 5 và thứ 6 sau số hiệu tài khoản cấp 2.

- Để biểu thị quy cách, phẩm chất của mỗi loại nguyên vật liệu cụ thể trong nhóm nguyên vật liệu, ta tiếp tục thêm số tự nhiên thứ 7 và thứ 8.

Ví dụ : Nguyên vật liệu chính 1521

Tôn CT3 : 1521.01

Tôn CT3-2mm : 1521.01.01

Tôn CT3-3mm : 1521.01.02

Tôn CT3-4mm : 1521.01.03

Công ty Đóng tàu PTS có thể lập “Sổ danh điểm nguyên vật liệu” theo mẫu sau đây:

Biểu 3.2: Sổ danh điểm nguyên vật liệu

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.01		Tôn CT03	Kg	
		1521.01.01	Tôn CT03-2mm	Kg	
		1521.01.02	Tôn CT03-3mm	Kg	
		1521.01.03	Tôn CT03-4mm	Kg	
		1521.01.04	Tôn CT03-6mm	Kg	
	
	1521.02		Thép inox	Kg	
		1521.02.01	Thép inox D14	Kg	
		1521.02.02	Thép inox D16	Kg	
		1521.02.03	Thép inox D20	Kg	
		1521.02.04	Thép inox D22	Kg	
		1521.02.05	Thép inox D35	Kg	
	
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522.01		Sơn chống rỉ M		
		1522.01.01	Sơn chống rỉ M nâu	Lít	
		1522.01.02	Sơn chống rỉ M ghi	Lít	
	
	1522.02		Bulông inox	Cái	
		1522.02.01	Bulông inox M10x30	Cái	
		1522.02.02	Bulông inox M14x40	Cái	
		1522.02.03	Bulông inox M16x40	Cái	
		1522.02.04	Bulông inox M16x60	Cái	
		1522.02.05	Bulông inox M18x60	Cái	
	

3.2.2.2. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng để quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Công ty có thể lập sổ giao nhận chứng từ theo biểu 3.2 như sau :

3.2.2.3. Hoàn thiện việc chia kho để nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu.

- Hiện nay, trong quá trình quản lý và hạch toán vật tư công ty sử dụng trên phần mềm Vacom accounting, công ty không phân kho trên phần mềm, tất cả các nghiệp vụ về vật tư phát sinh đều được công ty thực hiện trên một kho là “Kho công ty”, thay vì tổ chức và hạch toán thành hai kho là “Kho nguyên vật liệu” và “Kho công cụ dụng cụ”.

Công ty Đóng tàu PTS không thực hiện chia kho trên phần mềm, sẽ gây ra những hạn chế, không thuận tiện trong việc theo dõi, kiểm soát chi tiết tình hình biến động cụ thể của vật tư giữa kế toán vật tư và thủ kho. Ví dụ như : số liệu hiện tại trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa lấy từ phần mềm là số liệu của “Kho công ty”, tức là số liệu tổng của toàn bộ vật tư. Khi muốn biết số dư cũng như tình hình nhập xuất tồn của riêng nguyên vật liệu hay công cụ dụng cụ thì kế toán vật tư phải lọc số liệu trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn của “Kho công ty”, như vậy kế toán sẽ tăng công việc phải làm, mặt khác nếu xảy ra chênh lệch số liệu giữa theo dõi của kế toán và ghi chép của thủ kho, sẽ khó tìm ra nguyên nhân để kịp thời có biện pháp kiểm kê, rà soát lại.

Vì những lý do trên, theo em công ty Đóng tàu PTS nên thực hiện chia kho vật chất hiện tại, sắp xếp nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thành hai khu riêng biệt, cũng như việc chia kho tương ứng trên phần mềm kế toán đang sử dụng. Để quy trình quản lý vật tư của công ty được chặt chẽ, dễ dàng và khoa học hơn trong công việc kiểm kê, giám sát vật tư.

3.2.2.4. Hoàn thiện thủ tục nhập – xuất kho nguyên vật liệu.

Khi nguyên vật liệu mua về, không nhập kho mà được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất, nhưng phòng vật tư vẫn tiến hành thủ tục nhập kho, sau đó lại tiến hành thủ tục xuất kho. Việc thực hiện thủ tục nhập – xuất kho như vậy sẽ rườm rà, làm tăng thêm công việc, hao phí về lao động.

Theo em, trong trường hợp này khi nguyên vật liệu về công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và biên bản giao nhận vật tư đó là căn cứ hạch toán chi phí nguyên vật liệu nhập xuất thẳng, vừa giảm bớt thủ tục ghi chép, vừa phản ánh kịp thời số liệu hạch toán hàng tồn kho.

3.2.2.5. Về việc mở thêm tiểu khoản.

Tuy công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo vai trò và công dụng của chúng trong quá trình sản xuất kinh doanh theo 4 nhóm. Nhưng trong quá trình hạch toán tổng hợp tất cả các nguyên vật liệu đều được công ty hạch toán chung trong tài khoản 152, bao gồm cả nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu và vật liệu thu hồi. Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên mở thêm và sử dụng các tiểu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu :

- TK1521 : Nguyên vật liệu chính
- TK1522 : Nguyên vật liệu phụ
- TK1523 : Nhiên liệu
- TK1524 : Vật liệu thu hồi

Việc mở thêm các tiểu khoản, sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra, sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản, giá trị nguyên vật liệu xuất kho cho sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm cũng được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay so sánh chi tiết chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm qua các kỳ.

3.2.2.6. Hoàn thiện thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.

Vật tư, hàng hóa nói chung và nguyên vật liệu nói riêng cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi nhập kho, để xem xét loại hàng nhập kho có đúng, đủ với những điều khoản ghi trên hợp đồng mua hàng hay không, tránh tình trạng nhập kho với những hàng kém chất lượng, sai quy cách hoặc không đủ số lượng so với thực mua.

Nhưng tại công ty Đóng tàu PTS lại chỉ mới tiến hành nghiệm thu đối với những nguyên vật liệu có giá trị lớn mỗi khi nhập kho như : sắt, thép... mà chưa tiến hành làm thủ tục nghiệm thu trước khi nhập kho đối với những nguyên vật liệu có giá trị nhỏ hay

có số lượng lớn, nhiều chủng loại, kích cỡ như bulông, ốc vít, đinh... Như vậy, sẽ dễ nhầm lẫn, không đánh giá và kiểm soát được chính xác về chất lượng, quy cách, chủng loại, mẫu mã, số lượng nguyên vật liệu thực nhập kho so với đơn mua hàng.

Tuy những nguyên vật có kích cỡ hay giá trị nhỏ nhưng góp phần không nhỏ trong việc cấu thành nên hình thái và giá trị sản phẩm. Để đảm bảo quá trình sản xuất được liên tục, không bị gián đoạn cũng như sản phẩm sản xuất ra đúng theo yêu cầu về chất lượng, số lượng, cũng như chủng loại, mẫu mã. Theo em, công ty không chỉ tiến hành kiểm tra, giám sát nguyên vật liệu nhập kho với giá trị lớn mà cũng phải tiến hành kiểm tra, giám sát đối với những nguyên vật liệu nhập kho có giá trị nhỏ hay có số lượng lớn, nhiều chủng loại, kích cỡ.

3.2.2.7. Hoàn thiện công tác kiểm kê vật tư tại công ty.

Công tác kiểm kê nguyên vật liệu là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty. Hiện nay, Công ty đã tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu 2 lần trong năm tại thời điểm 30/6 và 31/12. Thời gian tổ chức kiểm kê như vậy sẽ không đánh giá được kịp thời, chính xác số lượng, giá trị cũng như phẩm chất nguyên vật liệu tồn kho, khó tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm cho đúng đối tượng, có thể gây gián đoạn, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất.

Với những nhận định trên, theo em công ty nên tiến hành tổ chức công tác kiểm kê nguyên vật liệu nói riêng và vật tư nói chung là sẽ tiến hành kiểm kê 4 lần trong năm vào thời điểm cuối mỗi quý. Tiến hành kiểm kê như vậy, sẽ đánh giá được kịp thời, chính xác nếu xảy ra hỏng hóc, mất mát, chênh lệch giữa sổ sách và thực tế. Ngoài ra cũng kiểm tra, đánh giá được phẩm chất, tình trạng nguyên vật liệu có đúng với tiêu chuẩn, yêu cầu cho phục vụ sản xuất, nếu nguyên vật liệu bị biến dạng, kém chất lượng sẽ kịp thời có những giải pháp bổ sung, thay thế để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành liên tục, chất lượng sản phẩm làm ra đúng tiêu chuẩn.

Công ty có thể sử dụng mẫu biên bản kiểm như sau:

Biểu 3.3: Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Đơn vị : CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG
Bộ phận :

Mẫu số 05-VT
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

- Thời điểm kiểm kê.....giờ.....ngày.....tháng.....năm...
- Ban kiểm kê gồm:
 Ông/ bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban
 Ông/ bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên
 Ông/ bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Ủy viên
- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ...	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng														

Giám đốc
 (Ý kiến giải quyết số chênh lệch)
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
 Trưởng ban kiểm kê
 (Ký, họ tên)

3.2.2.8. Một số ý kiến khác nhằm nâng cao công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu tại công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

- Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu được trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Vì vậy, điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho công ty thì phải quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu.

- Để quá trình sản xuất kinh doanh được liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì công ty phải xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu ở mức hợp lý. Do vậy, công ty phải xây dựng định mức tồn kho cho từng danh điểm nguyên vật liệu. Tránh dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó. Định mức tồn kho của nguyên vật liệu còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua nguyên vật liệu.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, quá trình luân chuyển của nguyên vật liệu được sử dụng qua 3 giai đoạn:

- + Giai đoạn thu mua nguyên vật liệu;
- + Giai đoạn dự trữ và bảo quản trong kho;
- + Giai đoạn xuất kho sử dụng cho hoạt động sản xuất.

Vì vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu cần được kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong toàn bộ trong quá trình luân chuyển của chúng nhằm đảm bảo và sử dụng hiệu quả vốn lưu động dự trữ của công ty, đảm bảo cung ứng đầy đủ và không gián đoạn trong quá trình sản xuất. Công tác quản lý nguyên vật liệu trong các giai đoạn có thể thực hiện như sau:

+ Trên cơ sở yêu cầu sản xuất của công ty đặt ra, phòng vật tư sẽ tiến hành thu mua nguyên vật liệu cần đảm bảo chấp hành tốt về định mức nguyên vật liệu, đơn giá cũng như chất lượng của nguyên vật liệu.

+ Từ khi xuất kho đến khi được đưa vào sản xuất nguyên vật liệu cần được bảo quản tránh thất thoát, hỏng hóc. Liên tục đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, vì trình độ, tay nghề của người sản xuất có ảnh hưởng đến việc sử dụng nguyên vật liệu có đúng định mức hay tiết kiệm hơn so với định mức hay không. Đồng thời, hệ thống máy móc cũng phải luôn được bảo trì, duy tu và thay mới khi cần thiết để giảm mức hao tổn nguyên vật liệu do máy móc.

+ Bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò, tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, có nhiều sự lựa chọn trong công tác thu mua, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Hiện nay, tại công ty công tác phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu nhìn chung chưa được quan tâm và thực hiện. Để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu thì công ty có thể thực hiện việc phân tích tình hình sử dụng nguyên vật liệu. Ví dụ như, để đánh giá chung tiềm năng sử dụng nguyên vật liệu, ta có thể sử dụng chỉ tiêu hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu:

$$\text{Hiệu suất sử dụng NVL} = \frac{\text{Giá trị sản lượng}}{\text{Chi phí nguyên vật liệu}}$$

Hiệu suất sử dụng nguyên vật liệu biểu hiện một đồng nguyên vật liệu tham gia vào sản xuất trong kỳ đem lại bao nhiêu đồng giá trị sản lượng. Hiệu suất này càng cao, chứng tỏ chất lượng công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu càng tốt.

Dựa trên cơ sở phân tích một cách khoa học tình hình sử dụng nguyên vật liệu, ta có thể đưa ra những phương hướng và biện pháp sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ hạn chế được hao hụt, mất mát, chống lãng phí và góp phần làm giảm chi phí, tăng lợi nhuận cho công ty.

KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu trong năm 2011 tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung từ đó thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

- Về việc áp dụng phần mềm kế toán Vacom vào sử dụng, giúp giảm thiểu công việc ghi chép thủ công hàng ngày đồng thời làm tăng năng suất của công tác kế toán, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất.

- Về khâu thu mua nguyên vật liệu : do công ty đóng tàu PTS đã làm tốt từ khâu lên kế hoạch thu mua, lựa chọn nhà cung cấp, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng nên việc thu mua được tiến hành quy củ, chất lượng và số lượng vật tư được đảm bảo đúng yêu cầu sử dụng.

- Về khâu cấp phát nguyên vật liệu : nguyên vật liệu cấp phát được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo không để ứ đọng vốn và là cơ sở chủ yếu trong kế hoạch hạ thấp giá thành sản phẩm của Công ty TNHH Đóng tàu PTS.

Tuy nhiên, nhìn chung Công ty Đóng tàu PTS vẫn còn một số hạn chế sau đây:

- Hiện nay, việc mã hóa nguyên vật liệu tại Công ty chưa được logic, khoa học gây khó khăn trong việc quản lý nguyên vật liệu, tìm kiếm thông tin của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

- Hiện nay, tại Công ty việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban diễn ra thường xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận này không có biên bản giao nhận chứng từ, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ.

- Công ty chỉ có một kho để lưu trữ và bảo quản cả nguyên vật liệu lẫn công cụ dụng cụ, điều này rất dễ nhầm lẫn, mất mát trong quá trình nhập xuất nguyên vật liệu hay công cụ dụng cụ.

Đề tài đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu giúp nâng cao công tác quản lý nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng, cụ thể như sau :

- Kiến nghị về việc hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu: giúp cho việc quản

lý từng loại vật liệu sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

- Kiến nghị về việc hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ trong công ty: cụ thể là lập sổ giao nhận chứng từ. Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định.

- Kiến nghị về việc chia kho: giúp việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty được chặt chẽ, dễ dàng và khó học hơn trong công việc hạch toán cũng như kiểm kê nguyên vật liệu.

- Kiến nghị về việc mở thêm tiểu khoản: hiện nay, Công ty Đóng tàu PTS chưa mở tiểu khoản cho TK152 như vậy không phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Vì vậy, công ty nên mở thêm các tiểu khoản như: TK1521, TK1522, TK1523...

Những kiến nghị này còn mang tính chất lý thuyết song phần nào cũng có cơ sở và xuất phát từ thực tiễn tại đơn vị nên cũng mang tính chất khả thi. Đó cũng là đóng góp nhỏ bé giúp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06.năm 2012

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/BTC ngày 20/03/2006
Quyển I : *Hệ thống tài khoản kế toán*
Quyển II : *Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.*
Nhà xuất bản: Nhà xuất bản tài chính
Năm xuất bản: 2006
2. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy, năm 2008 *Giáo trình kế toán tài chính*, NXB. Tài chính.
3. Nguyễn Phú Giang, năm 2007 *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, NXB. Tài chính Hà Nội.
4. PGS.TS. Võ Văn Nhị, năm 2007, *Kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính.